

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/HS-ST

Ngày: 29-10-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI,
TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Trúc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 22, ngày 23, ngày 26, ngày 27, ngày 28, ngày 29 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 71/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Lê Đình C**, sinh năm 1996, tại Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Xóm T, xã UN, huyện ĐA, Thành phố HN; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông không xác định và bà Lê Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án: Tại bản án số 08/2013/HSST ngày 23/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản", đến ngày 02/02/2017 chấp hành xong hình phạt, tiền sự: Không; Về nhân thân: Quyết định số 528 ngày 11/3/2010 của Chủ tịch UBND huyện Đông Anh, TP Hà Nội về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng 12 tháng; Quyết định số 240 ngày 15/02/2012 của Chủ tịch UBND huyện Đông Anh, TP Hà Nội về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng 18 tháng; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2019, đến ngày 25/11/2019 được VKSND thành phố Quảng Ngãi thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp cho gia đình bảo lãnh. Hiện nay đang tại ngoại, có mặt.

2. **Tôn Văn C**, sinh năm 1993, tại tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn TS 1, xã TD, huyện LG, tỉnh BG; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tôn Quang C và bà Ngô Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28-8-2019, đến ngày 06/9/2019 được VKSND thành phố Quảng

Ngãi thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị bắt tạm giữ, tạm giam lại từ ngày 18/02/2020, có mặt.

3. **Ngô Đức H**, sinh năm 1994, tại tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn LS, xã TD, huyện LG, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Đầu bếp; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Thế T và bà Ngô Thị X; vợ: Nguyễn Thị Thúy M, con: Có 01 con 01 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/8/2019, đến ngày 06/9/2019 được VKSND thành phố Quảng Ngãi thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị bắt tạm giữ, tạm giam lại từ ngày 18/02/2020, có mặt.

4. **Trần Văn H**, sinh ngày 02/9/2002, tại TP Hà Nội; nơi cư trú: Thôn TK, xã TD, huyện ĐA, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, bà Đỗ Thị M; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2020, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn H: Bà Võ Thị H - Là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Địa chỉ: Số 108 đường Phan Đình Phùng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Trương Văn A, sinh năm 1998, địa chỉ: Đội 1, thôn XY, xã BH, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

2. Ông Mai Anh T, sinh năm 1955, địa chỉ: Xóm 2, thôn TH, xã NT, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1979, địa chỉ: Tổ 13, phường CL, TP QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

4. Bà Trần Thị Việt T, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn MTN, NT, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1996, địa chỉ: Tổ 19, phường CL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Văn P (B), sinh năm 1990, địa chỉ: Số 292/2, đường QT, tổ 11, phường THĐ, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

7. Ông Phan Hoàng C, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn 2, xã NL, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Nơi làm việc: Trường Tiểu học Nghĩa Lâm.

8. Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn MTN, xã NT, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

9. Ông Huỳnh Văn V, sinh năm 1988, địa chỉ: Thôn 3, xã ĐN, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

10. Bà Đặng Thị Bích P, sinh năm 1997, địa chỉ: Xóm 2, thôn HT, xã NH, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

11. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn TTT C, phường TQT, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

12. Ông Đoàn Ngọc S, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn 3, xã ND, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

13. Ông Huỳnh Công P, sinh năm 1985, địa chỉ: Đội 6, thôn TL, xã TL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
14. Ông Trương Văn N, sinh năm 1986, địa chỉ: Xóm KT, thôn TC, xã TK, thành phố QN, Quảng Ngãi, vắng mặt.
15. Ông Đỗ Trọng D, sinh năm 1993, địa chỉ: Xóm 9, thôn TLĐ, xã TH, huyện ST, tỉnh QN, vắng mặt.
16. Bà Phạm Thị Xuân V, sinh năm 1991, địa chỉ: Đội 6, thôn LB, xã TA, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
17. Ông Nguyễn Vũ Hùng Hoàng, sinh năm 1996, địa chỉ: Số 533 PVD, thị trấn CC, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
18. Ông Huỳnh Tấn V, sinh năm 1988, địa chỉ: Xã ĐN, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
19. Ông Huỳnh Hữu N, sinh năm 1985, địa chỉ: Đội 10, thôn ML, xã TC, thành phố QN, Quảng Ngãi, vắng mặt.
20. Bà Đỗ Thị Hoài D, sinh năm 1980, địa chỉ: Đội 4, thôn GH, xã TL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
21. Bà Ngô Lê Kim T, sinh năm 1988, địa chỉ: Số 203 LTĐ, phường T HĐ, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
22. Bà Đoàn Thị Thanh N, sinh năm 1975, địa chỉ: Tổ 17, phường NC, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
23. Bà Nguyễn Hoàng Thanh T, sinh năm 1982, địa chỉ: Tổ 19, phường NC, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
24. Bà Lê Thị B, sinh năm 1973, địa chỉ: Đội 5, thôn XV, xã HĐ, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
25. Bà Phạm Thị Kim C, sinh năm 1977, địa chỉ: Thôn 5, xã ND, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
26. Bà Phạm Thị Tường V, sinh năm 1988, địa chỉ: Xóm 2, thôn TN, xã TAT, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
27. Ông Võ Minh V, sinh năm 1988, địa chỉ: Thôn 2, xã ND, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
28. Bà Lương Thị Kim C, sinh năm 1969, địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn SV, huyện TN, tỉnh QN, vắng mặt.
29. Bà Đặng Lê Minh H, sinh năm 1985, địa chỉ: Hẻm 53 đường QT, tổ 6, phường LHP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
30. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988, địa chỉ: Tổ 6, phường TP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
31. Ông Trần Văn T, sinh năm 1985, địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn L H, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
32. Ông Lê Văn H, sinh năm 1978, địa chỉ: Đội 8, thôn LH, xã N T, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
33. Bà Đoàn Thị Thùy T, sinh năm 1992, địa chỉ: Đội 5, LH 2, xã NT, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
34. Ông Đào Thanh Q, sinh năm 1984, địa chỉ: Xóm 6, thôn AB, xã NK, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
35. Ông Võ L, sinh năm 1996, địa chỉ: Đội 15, thôn ĐA, xã NĐ, huyện TN, tỉnh QN, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vắng mặt.

36. Bà Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1995, địa chỉ: Số 112/6 đường THĐ, tổ 22, phường NL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
37. Ông Nguyễn Tấn V, sinh năm 1994, địa chỉ: Xóm 1, thôn AL, xã NT, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
38. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1989, địa chỉ: Xóm 4, thôn MTB, xã NT, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
39. Ông Bùi Tấn L, sinh năm 1994, địa chỉ: Thôn AP, xã HD, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
40. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1988, địa chỉ: Hẻm HHT, tổ 16, phường QP, thành phố QN, vắng mặt.
41. Ông Trần Văn T, sinh năm 1993, địa chỉ: Số 277 đường NT, tổ 11, phường QP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
42. Bà Huỳnh Thị Lệ N, sinh năm 1982, địa chỉ: Thôn 3, N X, xã N H, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
43. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969, địa chỉ: Số 60 NBL, phường THĐ, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
44. Ông Huỳnh Nhật T, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn 8, xã NL, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
45. Ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1983, địa chỉ: Đồi 5, LH 2, xã NT, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
46. Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1998, địa chỉ: Xóm 8, thôn ML, xã TM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
47. Bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1988, địa chỉ: Tổ 10, phường NC, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
48. Ông Nguyễn Đăng T, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn ĐTL, xã H N, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
49. Trần Hiền T, sinh năm 1992, địa chỉ: Tổ 17, phường TP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
50. Ông Đặng Thế V, sinh năm 2000, địa chỉ: Đội 4, thôn NG, xã TH, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
51. Ông Trần Thiện C, sinh năm 1994, địa chỉ: Đội 4, thôn PNH, xã TP, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
52. Ông Võ Anh T, sinh năm 1989, địa chỉ: Đội 3, thôn AK, xã TG, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
53. Ông Lâm Nguyễn Thái B, sinh năm 1993, địa chỉ: Tổ 10, phường THĐ, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
54. Bà Phạm Thị Vân Y, sinh năm 1971, địa chỉ: Số 114/14 LTĐ, tổ 1, phường NN, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
55. Ông Đỗ Văn L, sinh năm 2001, địa chỉ: Xóm 10, thôn 7, xã Đ N, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
56. Bà Hà Thị Như T, sinh năm 1992, địa chỉ: Số 231 BK, tổ 2, phường NC, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
57. Ông Đặng Hữu H, sinh năm 1990, địa chỉ: Số 40 PXH, tổ 13, phường THĐạo, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

58. Mai Hoài D, sinh năm 1984, địa chỉ: Xóm 2A, thôn TN, xã T A T, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
59. Ông Lê Văn Q, sinh năm 1997, địa chỉ: Xóm 6, thôn AH 1, xã N T, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
60. Bà Lê Thị Mai P, sinh năm 1965, địa chỉ: Số 05 đường LDC, tổ 3, phường NN, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
61. Ông Nguyễn Đăng L, sinh năm 1996, địa chỉ: Thôn ĐTLâm, xã HN, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
62. Ông Nguyễn Đơn H, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn MP, xã NT, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
63. Bà Cao Thị Thanh T, sinh năm 1974, địa chỉ: Hẻm 14 VT, tổ 3, phường LHP thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
64. Bà Võ Thị Mỹ L, sinh năm 1992, địa chỉ: Xóm KT A, thôn CL, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
65. Ông Trần T, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn HA, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
66. Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1971, địa chỉ: Thôn AHB, xã N K, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
67. Nguyễn Lê Minh K, sinh năm 2000, địa chỉ: Số 100/13 NTT, tổ 15, phường THĐ, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
68. Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1985, địa chỉ: Xóm 3, thôn PN, xã NH, huyện TN, tỉnh QN, vắng mặt.
69. Ông Phạm Tiến T, sinh năm 1972, địa chỉ: Xóm 4, thôn AHB 2, xã NK, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
70. Ông Trần Thanh T, sinh năm 1980, địa chỉ: Đội 9, xã TS, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
71. Võ Cao Mỹ N, sinh năm 1996, địa chỉ: Hẻm 14, VT, tổ 3, phường L HP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
72. Ông Bùi Phụ T, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn AHN2, xã NK, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
73. Ông Lê Văn H, sinh năm 1978, địa chỉ: Đội 8, thôn LH, xã N T, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
74. Ông Phạm Hoàng Việt C, sinh năm 1992, địa chỉ: LNN, xã Đ T, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
75. Bà Lê Thị Thu N, sinh năm 1974, địa chỉ: Xóm II, thôn XPĐ, xã NK, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
76. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969, địa chỉ: Tổ 1, phường LHP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi (Gần Nhà nghỉ Thiên Tân), vắng mặt.
77. Ông Trương Quang T, sinh năm 1980, địa chỉ: Đội I, thôn TT, xã T T, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
78. Nguyễn Lê Bảo N, sinh năm 1995, địa chỉ: Số 100/13 NTT, tổ 15, phường THĐ, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
79. Bà Bùi Thị Thiên T, sinh năm 1979, địa chỉ: Hẻm 900 QT, tổ 6, phường THĐ, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
80. Bà Trần Thị Rô L, sinh năm 1991, địa chỉ: Xóm 7, thôn LC, xã N T, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

81. Bà Nguyễn Thị Thủy, sinh năm 1977, địa chỉ: Tổ 14, phường LHP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi (Đối diện Honda Sông Trà 1), vắng mặt.
82. Ông Hà Văn T, sinh năm 1993, địa chỉ: Xóm 2, thôn TH, xã N T, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
83. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1999, địa chỉ: Thôn TL, xã TP, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
84. Ông Nguyễn B, sinh năm 1991, địa chỉ: Đội 4, thôn BN, xã T B, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
85. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1987, địa chỉ: Tổ 1, phường Q P, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
86. Bà Trần Thị P, sinh năm 1984, địa chỉ: Tổ 14, phường LHP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
87. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1970, địa chỉ: Tổ 1, phường Q P, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
88. Ông Trần Nhật V, sinh năm 1989, địa chỉ: Đội 5, thôn TLT, xã T H, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
89. Ông Trương Văn C, sinh năm 1988, địa chỉ: Đội 4, TLT, xã TH, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
90. Bà Hồ Thị N, sinh năm 1964, địa chỉ: Hẻm 844 QT, tổ 12, phường CLộ, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
91. Bà Ngô Thị G, sinh năm 1978, địa chỉ: Số 936/40 QT, tổ 17, phường CL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.
92. Ông Phùng Minh H, sinh năm 1997, địa chỉ: Đội 12, thôn TD, xã T AĐ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
93. Ông Nguyễn Công D, sinh năm 1992, địa chỉ: Số 530 PĐP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
94. Bà Tạ Thị Kiều O, sinh năm 1977, địa chỉ: Số 30 LHT, tổ 3, phường TP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
95. Ông Phùng Quốc S, sinh năm 1981, địa chỉ: Số 323 HHT, tổ 18, phường QP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
96. Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1993, địa chỉ: Tổ 5 BTH, phường Q P, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
97. Ông Trương Đăng K, sinh năm 1996, địa chỉ: Đội 2, thôn XV, xã HD, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
98. Ông Trần Phước T, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn CH1, xã TAT, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
99. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn TLĐ, xã TH, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
100. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1985, địa chỉ: Xóm I, thôn HB, xã NH, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
101. Ông Nguyễn Tăng N, sinh năm 1985, địa chỉ: Đội 5, thôn P N T, xã TP, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
102. Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn LH, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
103. Bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1989, địa chỉ: Tổ 6, phường LH P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

104. Ông Mai Xuân V, sinh năm 1985, địa chỉ: Xóm 2, thôn HT, xã NH, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
105. Bà Võ Thị Bích H, sinh năm 1979, địa chỉ: Xóm 6, thôn CH 1, xã TAT, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
106. Ông Trương Tấn P, sinh năm 1978, địa chỉ: Khu dân cư 3B, thị trấn SV, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
107. Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1992, địa chỉ: Tổ 2, thị trấn LH, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
108. Bà Võ Thị Phương L, sinh năm 1988, địa chỉ: Hẻm 522 N C P, tổ 12, phường NL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.
109. Ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn AB, xã N K, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
110. Bà Phan Thị Xuân T, sinh năm 1981, địa chỉ: Tổ 3, phường C L, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi (Đối diện Trường học Lê Trung Đình), vắng mặt.
111. Ông Nguyễn Hồng V, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn ĐM, xã N H, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
112. Ông Trần Tấn H, sinh năm 1977, địa chỉ: Tổ 23, phường QP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
113. Phan Quỳnh N, sinh năm 1995, địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn C O, huyện BS, tỉnh QN, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
114. Bà Đinh Thị V, sinh năm 1986, địa chỉ: Xóm 1, thôn 1, xã N S, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
115. Ông Nguyễn Hữu Minh C, sinh năm 1991, địa chỉ: Số 1062 Q T, tổ 19, phường CL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
116. Bà Lê Thị Kiều T, sinh năm 1960, địa chỉ: Số 57 VT, tổ 1, phường LHP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
117. Bà Nguyễn Thị Hành T, sinh năm 1988, địa chỉ: Xóm 8, thôn AH 1, xã NT, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
118. Ông Đỗ Mậu T, sinh năm 1991, địa chỉ: Đội 12, thôn HV, xã HP, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
119. Ông Lê Đình D, sinh năm 1999, địa chỉ: Thôn TLĐ, xã TH, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
120. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1983, địa chỉ: Tổ 15, phường C L, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
121. Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1977, địa chỉ: Thôn AS, xã HD, huyện NGH, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
122. Bà Trần Thị Xuân T, sinh năm 1985, địa chỉ: Hẻm 585/13 LTT, tổ 14, phường NC, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
123. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn KTT, xã HN, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
124. Bà Phan Thị H, sinh năm 1976, địa chỉ: Đội 1, thôn 1, xã N D, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
125. Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1993, địa chỉ: Xóm 2, thôn AHNII, xã NK, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

126. Ông Mai Hữu D, sinh năm 1994, địa chỉ: Thôn ĐA 2, xã N T, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

127. Công ty TNHH MTV Dịch vụ tổng hợp TC, địa chỉ: 78 PDL, tổ 12, phường NC, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn 12, BN, xã HĐ, huyện TN, thành phố HP, vắng mặt.

128. Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ HQ A & E, địa chỉ: Số 399 HV, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi. Cơ sở 2, địa chỉ: 608 NVL, phường TQT, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1993, địa chỉ: Tổ 5, phường QP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

129. Ông Đồng Văn D, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn BT, xã NL, huyện HL, tỉnh TH, vắng mặt.

130. Ông Hoàng Văn L, sinh năm 26/10/2002, địa chỉ: Thôn ĐM, xã U N, huyện ĐA, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của Hoàng Văn L: Ông Hoàng Văn U, sinh năm 1978, bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1983, cùng địa chỉ: Thôn ĐM, xã UN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

131. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1998, địa chỉ: Xóm C, CL, huyện ĐA, TP. Hà Nội, vắng mặt.

132. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1991, địa chỉ: Đội 5, thôn X V, xã HĐ, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

133. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn 12, BN, xã HĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

134. Công ty TNHH MTV Phát triển dịch vụ ĐA, địa chỉ: Quốc Lộ 1A, tổ dân phố 1, thị trấn LH, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Bà Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1995, địa chỉ: Đội 9, thôn AK, xã TG, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

135. Ông Đậu Ngọc Q, sinh năm 1985, địa chỉ: Số 5, dãy B6, ngõ 301, phường Đội C, quận BĐ, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

136. Bà Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1995, địa chỉ: Đội 9, thôn A K, xã T G, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

137. Ông Trần Văn T, sinh năm 1971, bà Đỗ Thị M, sinh năm 1974, cùng địa chỉ: Thôn TK, xã TD, huyện ĐA, thành phố Hà Nội, là cha mẹ của bị cáo H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01/2018, đối tượng Đậu Ngọc Q (khoảng 33 tuổi; ở quận Ba Đình, TP Hà Nội) giao cho Lê Đình C vào tỉnh Quảng Ngãi để quản lý hoạt động cho vay tiền, thu lãi của những người vay trên địa bàn TP Quảng Ngãi và các huyện lân cận trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại các Công ty gồm: Công ty TNHH Nhất Tín - địa chỉ: Số 836 Quang Trung, P. Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi,

tỉnh Quảng Ngãi (sau đó đổi tên thành Công ty TNHH Thành Công và chuyển đến địa chỉ số 78 Phan Đăng Lưu thuộc tổ 12, P. Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi); Công ty Hà Quảng A&E - địa chỉ: Số 399 Hùng Vương, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi và Công ty Hà Quảng A&E (cơ sở 2) - địa chỉ: Số 608 Nguyễn Văn Linh, P. Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Công ty TNHH MTV Phát triển dịch vụ Đại An, địa chỉ: Quốc Lộ 1A, tổ dân phố 1, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Để hoạt động cho vay lãi nặng tại các công ty trên, Lê Đình C đến các cơ sở in trên địa bàn TP Quảng Ngãi để in các tờ rơi quảng cáo, với nội dung “CÀM CÀ VỆT XE lên đến 90% giá trị xe, THỦ TỤC ĐƠN GIẢN, CÀ VỆT XE CHÍNH CHỦ, CHỨNG MINH THU, khách hàng vẫn có xe sử dụng, ĐT: 0364.282.736, 0969356295,...”. Sau đó, Lê Đình C thuê các đối tượng gồm: Đồng Văn D, Tôn Văn C, Hoàng Văn L, Ngô Đức H, Trần Văn H đi trên các tuyến đường thuộc TP Quảng Ngãi và các huyện lân cận trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để dán tờ rơi trên các trụ điện, treo giấy quảng cáo trên cây xanh để quảng cáo hoạt động cho vay lãi nặng.

Khi người dân có nhu cầu vay tiền thì gọi điện thoại vào các số điện thoại được in trên tờ rơi quảng cáo, các đối tượng này hướng dẫn người dân mang theo giấy tờ xe, chứng minh nhân dân,... đến địa điểm của các công ty nêu trên làm các thủ tục vay tiền. Để hợp thức hóa hình thức cho vay lãi nặng, Lê Đình C chỉ đạo làm sẵn hợp đồng mua bán xe máy và hợp đồng thuê lại xe máy. Khi khách có nhu cầu đến vay các đối tượng cho người vay ký vào hợp đồng bán xe và hợp đồng thuê lại xe và giữ giấy đăng ký xe, giấy phép lái xe, chứng minh nhân dân, hộ khẩu... của người vay. Các giấy tờ chính do nhóm đối tượng trên cất giữ tại các công ty và giao xe của chính người vay tiền sử dụng; lãi suất thỏa thuận bằng miệng dao động từ 0,3 đến 5%/ngày, thời hạn 10 ngày người vay đến trụ sở các công ty này trả tiền lãi một lần hoặc các đối tượng được thuê trực tiếp đi thu tiền lãi; số tiền lãi thu được do Lê Đình C cất giữ. Công trả lương cho những đối tượng làm thuê cho mình.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019 Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Đình C, Ngô Đức H, Tôn Văn C, Trần Văn H về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và làm việc với Đồng Văn D (SN: 1990, HKTT: Thôn Bắc Thọ, xã Ngự Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa), Hoàng Văn L (SN: 2002, HKTT: Thôn Đản Mỗ, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, TP Hà Nội) Nguyễn Văn N (SN: 1998, HKTT: Xóm Chùa, Cổ Loa, huyện Đông Anh, TP Hà Nội) và Nguyễn Thị Ngọc H (SN: 1991, HKTT: Thôn Xuân Vinh, xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi) là những người làm thuê cho Công tại các Công ty trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi xác định, trong thời gian từ tháng 01/2019 đến ngày 25/8/2019, bị cáo Lê Đình C cùng với Ngô Đức H, Tôn Văn C và Trần Văn H cho 126 người với tổng cộng 142 lượt vay tiền từ các công ty do Lê Đình C quản lý với số tiền cho vay là 1.594.000.000 đồng (một tỷ năm trăm chín mươi bốn triệu đồng) lãi suất dao động từ 0,3%/ngày đến 0,5%/ngày, (tương đương với mức lãi suất giao động từ 109,5%/năm đến 183%/năm) cao gấp từ 05 đến 09 lần lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự 2015 (Điều 468 - Bộ luật dân sự năm 2015 quy định lãi suất cho

vay không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tức là không được vượt quá 0,0548%/ngày). Tổng số tiền lãi đã thu là 734.181.000 đồng (bảy trăm ba mươi tư triệu một trăm tám mươi một ngàn đồng). Trong số tiền lãi đã thu, Cơ quan điều tra xác định số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự là 87.338.641 (tám mươi bảy triệu ba trăm ba mươi tám ngàn sáu trăm bốn mươi một đồng), số tiền lãi vượt quá mức quy định (vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay) là 646.842.359 đồng (sáu trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn ba trăm năm mươi chín đồng). Như vậy, tiền thu lợi bất chính mà các bị can C, H, C và H thu được từ người vay là 646.842.359 đồng.

* Vật chứng của vụ án

- Tạm giữ từ Lê Đình C:

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên mã số 4300838921.

+ 01 thông báo về việc sử dụng mẫu con dấu của doanh nghiệp.

+ 01 thông báo về cơ quan thuế quản lý.

+ 01 hợp đồng thuê nhà ở số 01/HĐTNO, ngày 29/7/2019.

+ 02 biên bản bàn giao tài sản.

+ 01 biên bản giao nhận tiền đặt cọc.

+ 01 bản phô tô giấy chứng minh nhân dân Phạm Văn T

+ 02 con dấu đỏ đề chữ Giám đốc.

+ 01 dấu đỏ đề tên Phạm Văn T.

+ 01 con dấu tròn đề tên Công ty TNHH một thành viên dịch vụ tổng hợp Thành Công.

Những giấy tờ, tài liệu Lê Đình C và đồng bọn sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng, chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

+ 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 130, màu đen, có số Imeil: 352883103224062.

+ 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 105, màu đen, có số Imeil: 353690085934181.

+ 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 105, màu đen, có số Imeil: 356944093999539.

+ 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 1280, màu đen, có số Imeil: 356246048162365.

+ 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 7 plus, dán decal màu vàng, có số Imeil: 35918907290018.

+ 01 CPU (không có ổ cứng).

+ 01 xe mô tô hiệu Jupiter, biển số 76R2-9528.

Đây là công cụ, phương tiện mà Lê Đình C sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng.

+ Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 14.490.000 đồng (mười bốn triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng) là tiền lãi C thu từ người vay.

- Tạm giữ từ Tôn Văn C:

+ 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 6S, màu vàng đen.

- Tạm giữ từ Ngô Đức H:

+ Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 26.500.000 đồng (hai mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

+ 01 ĐTDĐ hiệu Iphone, màu trắng bạc.

+ 01 ĐTDĐ hiệu Nokia, màu đen.

+ 01 màn hình máy tính màu đen, hiệu LG.

+ 01 cây CPU máy tính, màu đen.

- + 01 bảng quảng cáo.
- + 01 xe mô tô hiệu Jupiter, biển số 92M1-182.05
- Đối với vật chứng thu từ Trần Văn H:
- + 01 Điện thoại di động hiệu Iphone, màu xám đen, có số Imeil: 356982062050009, màn hình bị nứt.
- Tạm giữ từ Nguyễn Văn N gồm:
- + 22 tờ rơi quảng cáo vay tiền.
- + 01 con dấu có nội dung Nguyễn Thị Mai T.
- + 01 con dấu hình tròn ở giữa có nội dung Công ty TNHH một thành viên phát triển dịch vụ Đại An, ở viên ngoài có ghi nội dung MSDN: 4300811278. CTTNHH H. Tư Nghĩa-Tỉnh Quảng Ngãi.

Đây là đồ vật, tài liệu của Lê Đình C sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng.

+ 01 ĐTDĐ hiệu Nokia, màu cam; 01 bộ máy tính để bàn hiệu LG, màu đen (bao gồm: 01 màn hình LG, 01 CPU mã A1704-G4377, 01 bàn phím máy tính, 01 chuột máy tính, 01 đầu ghi màu trắng hiệu KB VISION) và 01 USB màu đen, hiệu Apacer USB 3.0. Đây phương tiện C và đồng bọn sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Jupiter, biển số 76R2-9528 và 01 xe mô tô hiệu Jupiter, biển số 92M1-182.05 các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi cho vay, Cơ quan CSĐT chưa xác định được chủ sở hữu, Cơ quan Điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và đề nghị xử lý sau là phù hợp.

Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi đã xác định danh sách 126 người vay tiền và các lượt vay của Lê Đình C, cụ thể:

1. Trương Văn A (SN: 1997; HKTT: xã Bình Hiệp, Bình Sơn, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 5.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.000.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 109.589đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 890.411đ.

2. Mai Anh T (HKTT: Tân Hội, Nghĩa Trung, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 5.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.250.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 136.986đ; số tiền lãi vượt mức quy định là 1.113.014đ.

3. Nguyễn Thị M (HKTT: tổ 13, P. Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 03 lần, với tổng số tiền 25.000.000đ trong thời gian tháng 6/2019 đến tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.250.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 136.997đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.113.003đ.

4. Trần Thị Việt T (SN: 1991; HKTT: Mỹ Thạnh Nam, Nghĩa Thuận, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 6.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.800.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 197.260đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.602.740đ.

5. Nguyễn Văn H (HKTT: tổ 19, P. Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 20.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,3%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 547.945đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.452.055đ.

6. Nguyễn Văn P (HKTT: tổ 11, Phường Trần Hưng Đạo, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 6.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 240.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 26.301đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 213.699đ.

7. Phan Hoàng C (HKTT: Nghĩa Lâm, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 17.000.000đ trong thời gian tháng 6/2019, lãi suất 0,4%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.088.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 149.041đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 938.959đ.

8. Nguyễn Thanh L (HKTT: Mỹ Thạnh Nam, Nghĩa Thuận, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 3.000.000đ trong thời gian tháng 6/2019, lãi suất 0,5%/ngày, tiền lãi ngày phải trả là 15.000đ/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 435.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 47.671đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 387.329đ.

9. Huỳnh Văn V (HKTT: thôn 3, Đức Nhuận, Mộ Đức, Quảng Ngãi) vay 04 lần, với tổng số tiền 26.000.000đ trong thời gian tháng 3/2019 đến tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.230.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 244.384đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.985.616đ.

10. Đặng Thị Bích P (HKTT: thôn Hòa Tân, xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 9.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.250.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 246.575đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.003.425đ.

11. Nguyễn Văn T (HKTT: Trường Thọ Tây C, P. Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 4.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.200.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 131.507đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.068.493đ.

12. Đoàn Ngọc S (HKTT: thôn 3, Nghĩa Dũng, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 5.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, với lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 750.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 82.192đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 667.808đ.

13. Huỳnh Công P (HKTT: Thôn Tăng Long, Tịnh Long, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 4.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.000.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 109.589đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 890.411đ.

14. Trương Văn N (HKTT: thôn Tư Cung, Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 20.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 4.000.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 438.356đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.561.644đ.

15. Đỗ Trọng D (HKTT: thôn Thọ Lộc Đông, Tịnh Hà, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 9.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.350.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 147.945đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.202.055đ.

16. Phạm Thị Xuân V (HKTT: đội 6, Long Bàn, Tịnh An, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 8.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.200.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 131.507đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.068.493đ.

17. Nguyễn Vũ Hùng H (HKTT: Bình Hiệp, Bình Sơn, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 9.000.000đ trong thời gian tháng 4/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 5.850.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 641.096đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 5.208.904đ.

18. Huỳnh Tấn V (HKTT: Đức Nhuận, Mộ Đức, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 15.000.000đ trong thời gian tháng 5/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 6.000.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 657.534đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 5.342.466đ.

19. Huỳnh Hữu N (HKTT: thôn Mỹ Lộc, Tịnh Châu, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 10.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.000.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 109.589đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 890.411đ.

20. Đỗ Thị Hoài D (HKTT: Thôn Gia Hòa, Tịnh Long, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 8.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.200.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 131.507đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.068.493đ.

21. Ngô Lê Kim T (HKTT: Lê Trung Đình, Phường Trần Hưng Đạo, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 02 lần, với tổng số tiền 9.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 450.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 49.315đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 400.685đ.

22. Đoàn Thị Thanh N (HKTT: tổ 17, P. Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 12.000.000đ trong thời gian tháng 5/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 6.600.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 723.288đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 5.876.712đ.

23. Nguyễn Hoàng Thanh T (HKTT: tổ 19, Phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần, với số tiền 6.000.000đ trong thời gian tháng 12/2018 đến tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 5.920.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 322.192đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 5.557.808đ.

24. Lê Thị B (HKTT: đội 5, Xuân Vinh, Hành Đức, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi) vay 03 lần, với tổng số tiền 58.000.000đ trong thời gian từ đầu năm 2018 đến 2/2019, lãi suất 0,3%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 18.780.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 3.430.137đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 15.349.863đ.

25. Phạm Thị Kim C (HKTT: thôn 5, Nghĩa Dũng, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 10.000.000đ trong thời gian tháng 6/2017, lãi suất 0,4%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 30.800.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 4.219.718đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 26.580.822đ.

26. Phạm Thị Tường V (HKTT: Xóm 2, Thống Nhất, Tịnh Ấn Tây, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 20.000.000đ vào tháng 6/2018, với lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 42.000.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 4.602.740đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 37.397.260đ.

27. Võ Minh V (HKTT: thôn 2, Nghĩa Dũng, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 4.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất

0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 400.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 43.836đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 356.164đ.

28. Lương Thị Kim C (SN: 1969; HKTT: TDP 3, Thị trấn Sông Vệ, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 11.000.000đ trong thời gian tháng 6/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.100.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 120.548đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 979.452đ.

29. Đặng Lê Minh H (SN: 1995; HKTT: Tổ 6, Phường Lê Hồng Phong, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 03 lần, với tổng số tiền 26.000.000đ trong thời gian tháng 2/2018 đến 8/2019, lãi suất 0,4% - 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 22.928.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 2.620.275đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 20.307.725đ.

30. Nguyễn Thị Thu H (SN: 1988; HKTT: tổ 16, P. Trần Phú, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 25.000.000đ trong thời gian tháng 5/2019, lãi suất 0,4%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 7.400.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.013.699đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 6.386.301đ.

31. Trần Văn T (SN: 1985; HKTT: TT La Hà, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 30.000.000đ trong thời gian tháng 6/2019, lãi suất 0,4%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 9.600.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.315.068đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 8.284.932đ.

32. Lê Văn H (SN: 1978; HKTT: đội 8, thôn La Hà, Nghĩa Thương, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 10.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,45%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 450.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 54.795đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 395.205đ.

33. Đoàn Thị Thùy T (SN: 1992; HKTT: đội 5, thôn La Hà 2, Nghĩa Thương, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 30.000.000đ trong thời gian tháng 6/2019, lãi suất 0,4%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 9.600.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.315.068đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 8.284.932đ.

34. Đào Thanh Q (SN: 1984; HKTT: thôn An Bình, Nghĩa Kỳ, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 15.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,4%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.800.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 246.575đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.553.425đ.

35. Võ L (SN: 1996; HKTT: Điền An, Nghĩa Điền, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 20.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,4%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 0đ (chưa trả lãi lần nào), số tiền lãi theo pháp luật quy định là 0đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 0đ.

36. Phạm Thị Hồng N (SN: 1995; HKTT: tổ 22, P. Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 20.000.000đ trong thời gian tháng 08/8/2019, lãi suất 0,4%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.600.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 219.178đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.380.822đ.

37. Nguyễn Tấn V (SN: 1994; HKTT: xóm 1, Nghĩa Thắng, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 02 lần, với tổng số tiền 18.000.000đ trong thời gian giữa năm 2018 đến tháng 11/2018, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là: 29.350.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 3.216.493đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 26.133.507đ.

38. Nguyễn Thị L (SN: 1989; HKTT: xóm 4, Mỹ Thạnh Bắc, Nghĩa Thuận, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 15.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.250.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 246.575đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.003.425đ.

39. Bùi Tấn L (SN: 1994; HKTT: An Phước, Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 12.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, với lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.800.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 197.260đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.602.740đ.

40. Đặng Thị H (SN: 1988; HKTT: tổ 16, Phường Quảng Phú, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 02 lần, với tổng số tiền 50.000.000đ trong thời gian tháng 4/2019, lãi suất 0,4%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 12.000.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.643.836đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 10.356.164đ.

41. Trần Văn T (SN: 1993; HKTT: tổ 11, Phường Quảng Phú, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần, tổng số tiền 25.000.000đ trong thời gian tháng 8/2018, lãi suất 0,4%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là: 13.200.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.808.219đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 11.391.781đ.

42. Huỳnh Thị Lệ N (SN: 1982; HKTT: TDP 4, Thị Trấn La Hà, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 10.000.000đ trong thời gian tháng 6/2019, với lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 328.767đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.671.233đ.

43. Nguyễn Thị T (SN: 1969; HKTT: NH, TN, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 15.000.000đ trong thời gian tháng 4/2019, với lãi suất 0,4%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 5.400.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 729.736đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 4.660.274đ.

44. Huỳnh Nhật T (SN: 1991; HKTT: 60 Nguyễn Bá Loan, Phường Trần Hưng Đạo, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 15.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 328.767đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.671.233đ.

45. Nguyễn Duy L (SN: 1983; HKTT: Nghĩa Hiệp, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 5.000.000đ trong thời gian tháng 6/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.750.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 191.781đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.558.219đ.

46. Nguyễn Ngọc C (SN: 1998; HKTT: Tịnh Minh, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 9.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.350.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 147.945đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.202.055đ.

47. Phan Thị Thu H (SN: 1988; HKTT: tổ 13, P. Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 5.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.250.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 136.986đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.113.014đ.

48. Nguyễn Đăng T (SN: 1970; HKTT: Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 7.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.400.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 153.425đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.246.575đ.

49. Trần Hiền T (SN: 1992; HKTT: tổ 17, P.Trần Phú, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 10.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.500.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 164.384đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.335.616đ.

50. Đặng Thế V (SN: 2000; HKTT: Tịnh Hà, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 10.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,8%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.200.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 219.178đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.980.822đ.

51. Trần Thiện C (SN: 1994; HKTT: Tịnh Phong, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 5.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 250.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 27.397đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 222.603đ.

52. Võ Anh T (SN: 1989; HKTT: Tịnh Giang, Sơn Tịnh Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 5.000.000đ trong thời gian tháng 3/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là: 3.750.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 410.959đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.339.041đ.

53. Lâm Nguyễn Thái B (SN: 1993; HKTT: P. Trần Hưng Đạo, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 8.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 219.178đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.780.822đ.

54. Phạm Thị Vân Y (HKTT: P.Nguyễn Nghiêm, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 15.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 328.767đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.671.233đ.

55. Đỗ Văn L (SN: 2001; HKTT: Đức Nhuận, Mộ Đức, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 3.000.000đ trong thời gian tháng 4/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.800.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 197.260đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.602.740đ.

56. Hà Thị Như T (SN: 1992; HKTT: P.Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 8.000.000đ trong thời gian tháng 9/2018, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 13.200.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.446.575đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 11.753.425đ.

57. Đặng Hữu H (SN: 1990; HKTT: P.Trần Hưng Đạo, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 15.000.000đ trong thời gian tháng 01/2018, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 43.500.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 4.767.123đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 38.732.877đ.

58. Mai Hoài D (SN: 1984; HKTT: Tịnh Ấn Tây, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 7.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.750.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 191.781đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.558.219đ.

59. Lê Văn Q (SN: 1997; HKTT: Nghĩa Trung, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 8.000.000đ trong thời gian tháng 6/2019, lãi suất

0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.400.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 263.014đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.136.986đ.

60. Lê Thị Mai P (SN: 1965; HKTT: P.Nguyễn Nghiêm, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 7.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 700.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 76.712đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 623.288đ.

61. Nguyễn Đăng L (SN: 1996; HKTT: Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 8.000.000đ trong thời gian tháng 5/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.600.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 394.521đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.205.479đ.

62. Nguyễn Đơn H (SN: 1987; HKTT: Nghĩa Thuận, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 3.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 450.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 49.315đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 400.685đ.

63. Cao Thị Thanh T (SN: 1974; HKTT: P. Lê Hồng Phong, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 8.000.000đ trong thời gian tháng 4/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.400.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 263.014đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.136.986đ.

64. Võ Thị Mỹ L (SN: 1992; HKTT: Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 15.000.000đ trong thời gian tháng 11/2018, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 42.000.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 4.602.740đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 37.397.260đ.

65. Trần T (SN: 1993; HKTT: Nghĩa Hòa, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 6.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 300.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 32.877đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 267.123đ.

66. Phạm Thị Thu T (SN: 1971; HKTT: Nghĩa Kỳ, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 15.000.000đ trong thời gian tháng 5/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 8.250.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 904.110đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 7.345.890đ.

67. Nguyễn Lê Minh K (SN: 2000; HKTT: tổ 15, P. Trần Hưng Đạo, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 9.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.250.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 246.575đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.003.425đ.

68. Lê Thị Kim C (SN: 1985; HKTT: Nghĩa Hòa, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 9.000.000đ trong thời gian tháng 6/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.600.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 394.521đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.205.479đ.

69. Phạm Tiến T (SN: 1972; HKTT: Nghĩa Kỳ, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 5.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 500.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 54.795đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 445.205đ.

70. Trần Thanh T (SN: 1980; HKTT: Tịnh Sơn, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 30.000.000đ trong thời gian tháng 6/2019, lãi suất

0,4%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 10.800.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.479.452đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 9.320.548đ.

71. Võ Cao Mỹ N (SN: 1996; HKTT: P.Lê Hồng Phong, TPQN, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 5.000.000đ trong thời gian tháng 3/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.250.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 136.986đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.113.014đ.

72. Bùi Phú T (SN: 1993; HKTT: Nghĩa Kỳ, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 5.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 250.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 27.397đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 222.603đ.

73. Lê Văn H (SN: 1978; HKTT: Nghĩa Thương, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 10.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,45%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 450.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 54.795đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 395.205đ.

74. Phạm Hoàng Việt C (SN:1992; HKTT: Đức Thạnh, Mộ Đức, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 15.000.000đ trong thời gian tháng 4/2019, lãi suất 0,4%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 8.400.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.150.685đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 7.249.315đ.

75. Lê Thị Thu N (SN: 1974; HKTT: Nghĩa Kỳ, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 8.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.600.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 175.342đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.424.658đ.

76. Nguyễn Thị T (SN: 1969; HKTT: P.Lê Hồng Phong, TPQN, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 15.000.000đ trong thời gian tháng 7/2018, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 43.500.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 4.767.123đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 38.732.877đ.

77. Trương Quang T (SN: 1980; HKTT: Tịnh Thọ, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 5.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.000.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 109.589đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 890.411đ.

78. Nguyễn Lê Bảo N (SN: 1995; HKTT: P. Trần Hưng Đạo TPQN, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 9.000.000đ trong thời gian tháng 6/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.700.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 295.890đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.404.110đ.

79. Bùi Thị Thiên T (SN: 1979; HKTT: P. Trần Hưng Đạo TPQN, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 8.000.000đ trong thời gian tháng 6/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.800.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 306.849đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.493.151đ.

80. Trần Thị Rôl (SN: 1991; HKTT: xã Nghĩa Đồng, TP.Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 15.000.000đ trong thời gian tháng 5/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 9.000.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 986.301đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 8.013.699đ.

81. Nguyễn Thị T (SN: 1997; HKTT: P. Lê Hồng Phong, TPQN, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 20.000.000đ trong thời gian tháng 5/2019, lãi suất 0,4%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 7.200.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 986.301đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 6.213.699đ.

82. Hà Văn T (SN: 1993; HKTT: Nghĩa Trung, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 5.000.000đ trong thời gian tháng 4/2019, lãi suất 0,4%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.250.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 356.164đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.893.836đ.

83. Phạm Thị L (SN: 1999; HKTT: Tịnh Phong, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 8.000.000đ trong thời gian tháng 6/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.200.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 350.685đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.849.315đ.

84. Nguyễn B (SN: 1991; HKTT: Bình Nam, Tịnh Bình, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 7.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 350.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 38.356đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 311.644đ.

85. Nguyễn Văn N (SN: 1987; HKTT: P. Quảng Phú, TPQN, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 7.000.000đ trong thời gian tháng 6/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.450.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 268.493đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.181.507đ.

86. Trần Thị P (SN: 1984; HKTT: P. Lê Hồng Phong, TP.Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 10.000.000đ trong thời gian tháng 3/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 8.000.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 876.712đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 7.123.288đ.

87. Nguyễn Văn N (SN:1970; HKTT: P. Quảng Phú, TP.Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 02 lần, tổng số tiền 15.000.000đ trong thời gian tháng 4/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 6.000.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 657.535đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 5.342.465đ.

88. Trần Nhất V (SN: 1989; HKTT: Tịnh Hà, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 8.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.400.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 263.014đ; số tiền lãi vượt mức quy định là 2.136.986đ.

89. Trương Văn C (SN: 1988; HKTT: Tịnh Hà, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 15.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.750.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 410.959đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.339.041đ.

90. Hồ Thị N (SN: 1964; HKTT: P. Chánh Lộ, TP.Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 20.000.000đ trong thời gian tháng 6/2019, lãi suất 0,50%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 5.600.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 767.123đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 4.832.877đ.

91. Ngô Thị G (SN: 1978; HKTT: Sơn Bua, Sơn Tây, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 10.000.000đ trong thời gian tháng 5/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 4.000.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 438.356đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.561.644đ.

92. Phùng Minh H (SN: 1997; HKTT: xã Tịnh Ấn Đông, TPQN, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 6.000.000đ trong thời gian tháng 3/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 4.800.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 526.027đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 4.273.973đ.

93. Nguyễn Công D (SN: 1992; HKTT:P. Chánh Lộ, TPQN, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 10.000.000đ trong thời gian tháng 3/2019, lãi suất

0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 8.500.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 931.507đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 7.568.493đ.

94. Tạ Thị Kiều O (SN: 1977; HKTT: P. Trần Phú, TP.Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 20.000.000đ trong thời gian tháng 6/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 8.000.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 876.712đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 7.123.288đ.

95. Phùng Quốc S (SN: 1981; HKTT: P. Quảng Phú, TP.Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 3.000.000đ trong thời gian tháng 3/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.400.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 263.014đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.136.986đ.

96. Lê Hoàng T (SN: 1993; HKTT: P. Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 20.000.000đ trong thời gian tháng 5/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 8.000.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 876.712đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 7.123.288đ.

97. Trương Đăng K (SN: 1996; HKTT: Hành Đức, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 6.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 600.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 65.753đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 534.247đ.

98. Trần Phước T (SN: 1975; HKTT: xã Tịnh Ấn Tây, TP. Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 9.000.000đ trong thời gian tháng 11/2018, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 13.050.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.430.137đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 11.619.863đ.

99. Nguyễn Văn Đ (SN: 1970; HKTT: xã Tịnh Hà, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 10.000.000đ trong thời gian tháng 6/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 4.500.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 493.151đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 4.006.849đ.

100. Nguyễn Anh T (SN: 1985; HKTT: xã Nghĩa Hòa, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 9.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 900.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 98.630đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 801.370đ.

101. Nguyễn Tăng N (SN: 1985; HKTT: Tịnh Phong, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 5.000.000đ trong thời gian tháng 9/2018, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 8.750.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 958.904đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 7.791.096đ.

102. Lê Thị Mỹ L (SN: 1976; HKTT: TT La Hà, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 7.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 700.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 76.712đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 623.288đ.

103. Nguyễn Thị Ánh N (SN: 1989; HKTT: P. Lê Hồng Phong, TP.Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 12.000.000đ trong thời gian tháng 6/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 5.400.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 591.781đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 4.808.219đ.

104. Mai Xuân V (SN: 1985; HKTT: Nghĩa Hòa, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 9.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.150.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 345.205đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.804.795đ.

105. Võ Thị Bích H (SN: 1979; HKTT: xã Tịnh Ấn Tây, TP.Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 15.000.000đ trong thời gian tháng 3/2019, lãi suất 0,4%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 9.600.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.315.068đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 8.284.932đ.

106. Trương Tấn P (SN: 1978; HKTT: TT Sông Vệ, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 7.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 700.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 76.712đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 623.288đ.

107. Nguyễn Tấn T (SN: 1992; HKTT: TT La Hà, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 04 lần với tổng số tiền 140.000.000đ trong thời gian tháng 3/2019 đến tháng 6/2019, lãi suất 0,3 - 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 12.200.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 2.082.191đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 10.117.809đ.

108. Võ Thị Phương L (SN: 1988; HKTT: P. Quảng Phú, TP.Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 8.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 800.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 87.671đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 712.329đ.

109. Nguyễn Hồng S (SN: 1984; HKTT: Nghĩa Kỳ, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 6.000.000đ trong thời gian tháng 4/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.900.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 427.397đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.472.603đ.

110. Phan Thị Xuân T (SN: 1981; HKTT: P. Chánh Lộ, TP.Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 20.000.000đ trong thời gian tháng 4/2019, lãi suất 0,4%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 12.000.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.643.836đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 10.356.164đ.

111. Nguyễn Hồng V (SN: 1976; HKTT: Nghĩa Hiệp, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 6.000.000đ trong thời gian tháng 6/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.700.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 295.890đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.404.110đ.

112. Trần Tấn H (SN: 1977; HKTT: P.Quảng Phú, TP.Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 2.000.000đ trong thời gian tháng 4/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.400.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 153.425đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.246.575đ.

113. Phan Quỳnh N (SN: 1995; HKTT: TT Châu Ổ, Bình Sơn, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 9.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.250.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 246.575đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.003.425đ.

114. Đinh Thị V (SN: 1986; HKTT: Nghĩa Sơn, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 6.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 600.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 65.753đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 534.247đ.

115. Nguyễn Hữu Minh T (SN: 1991; HKTT: TT La Hà, huyện Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 7.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.750.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 191.781đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.558.219đ.

116. Lê Thị Kiều T (SN: 1960; HKTT: P. Lê Hồng Phong, TP.Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 15.000.000đ trong thời gian tháng 12/2018, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 19.500.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 2.136.986đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 17.363.014đ.

117. Nguyễn Thị Hành T (SN: 1988; HKTT: Nghĩa Trung, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 5.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 500.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 54.795đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 445.205đ.

118. Đỗ Mậu T (SN: 1991; HKTT: Hành Phước, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 7.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 700.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 76.712đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 623.288đ.

119. Lê Đình D (SN: 1999; HKTT: Tịnh Hà, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 7.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 350.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 38.356đ; số tiền lãi vượt mức quy định là 311.644đ.

120. Nguyễn Hữu T (SN: 1983; HKTT: P. Chánh Lộ, TP.Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 24.000.000đ trong thời gian tháng 7/2019, lãi suất 0,42%/ngày, tiền lãi ngày phải trả là 100.000đ/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 38.000.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 4.997.260đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 33.002.740đ.

121. Nguyễn Thị Lệ T (SN: 1977; HKTT: Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 5.000.000đ trong thời gian tháng 3/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 4.500.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 493.151đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 4.006.849đ.

122. Trần Thị Xuân T (SN: 1985; HKTT: P. Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 20.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.600.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 219.178đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.380.822đ.

123. Nguyễn Văn G (SN: 1974; HKTT: Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 4.000.000đ trong thời gian tháng 8/2018, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 8.400.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 920.548đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 7.479.452đ.

124. Phan Thị H (SN: 1976; HKTT: Nghĩa Đồng, TP.Quảng Ngãi, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 10.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.000.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 109.589đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 890.411đ.

125. Nguyễn Tấn T (SN: 1993; HKTT: Nghĩa Kỳ, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 6.000.000đ trong thời gian tháng 5/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.200.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 131.507đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.068.493đ.

126. Mai Hữu D (SN: 1994; HKTT: Nghĩa Thương, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi) vay 01 lần với số tiền 4.000.000đ trong thời gian tháng 8/2019, lãi suất 0,5%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 200.000đ, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 21.918đ, số tiền lãi vượt mức quy định là 178.082đ.

Các giấy tờ như: Giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, giấy đăng ký xe mô tô của 126 người vay tiền mà Lê Đình C đã giữ của người vay tiền trong quá trình thực hiện hành vi cho vay lãi nặng Cơ quan điều tra đã trả lại cho người vay, sau khi nhận lại số giấy tờ trên người vay không có yêu cầu khiếu nại gì nên không đề cập đến.

Tại bản cáo trạng số 61/CT-VKS ngày 21-8-2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi truy tố Lê Đình C, Tôn Văn C, Ngô Đức H, Trần Văn H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Đình C, Tôn Văn C, Ngô Đức H, Trần Văn H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo: Lê Đình C từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, khoản 1 Điều 101 (khoản 1 Điều 101 chỉ áp dụng cho bị cáo Hùng) Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo: Tôn Văn C từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù; Ngô Đức H từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù; Trần Văn H từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

Đối với các đối tượng có liên quan:

- Đối với Đậu Ngọc Q chưa xác định được lai lịch. Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi sẽ tiếp tục xác minh làm rõ lai lịch của Đậu Ngọc Q, khi nào làm việc được với Q sẽ đề nghị xử lý sau.

- Đối với Đồng Văn D, Hoàng Văn L, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Ngọc H không trực tiếp cho người dân vay tiền và lấy tiền lãi của người vay, không biết C có hành vi cho vay lãi nặng. Do đó Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi không có căn cứ xử lý Đồng Văn D, Hoàng Văn L, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Ngọc H về hành vi: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201- Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Đối với Nguyễn Thị Mai T-Giám đốc Công ty TNHH một thành viên phát triển dịch vụ Đại An và Lê Hoàng T-Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ Hà Quảng A & E là những người được Lê Đình C nhờ đứng tên thành lập nhưng không tham gia quản lý, điều hành các Công ty trên và không biết việc Lê Đình C thực hiện việc cho vay lãi nặng nên cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi không xử lý Nguyễn Thị Mai T và Lê Hoàng T là phù hợp.

- Đối với Phạm Văn T-Giám đốc Công ty TNHH một thành viên dịch vụ tổng hợp Thành Công cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi đã ủy thác điều tra cho cơ quan CSĐT Công an huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng điều tra xác minh nhưng đến nay chưa có kết quả. Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi tiếp tục điều tra xác minh đề nghị xử lý sau là có căn cứ.

* Về xử lý vật chứng:

1/ Đối với vật chứng tạm giữ từ Lê Đình C:

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên mã số 4300838921.

+ 01 thông báo về việc sử dụng mẫu con dấu của doanh nghiệp.

+ 01 thông báo về cơ quan thuế quản lý.

+ 01 hợp đồng thuê nhà ở số 01/HĐTNO, ngày 29/7/2019.

+ 02 biên bản bàn giao tài sản.

+ 01 biên bản giao nhận tiền đặt cọc.

+ 01 bản phô tô giấy chứng minh nhân dân Phạm Văn T.

Đây là những giấy tờ, tài liệu Lê Đình C và đồng bọn sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng nên chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

Tịch thu tiêu hủy công cụ dùng vào việc phạm tội gồm:

+ 02 con dấu đỏ đề chữ Giám đốc.

+ 01 dấu đỏ đề tên Phạm Văn T.

+ 01 con dấu tròn đề tên Công ty TNHH một thành viên dịch vụ tổng hợp Thành Công.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước công cụ, phương tiện mà Lê Đình C sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng gồm:

+ 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 130, màu đen.

+ 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 105, màu đen.

+ 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 105, màu đen.

+ 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 1280, màu đen.

+ 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 7 plus, dán decal màu vàng.

+ 01 CPU (không có ổ cứng).

+ Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 14.490.000đ (mười bốn triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng) là tiền lãi C thu từ người vay tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

2/ Đối với vật chứng tạm giữ từ Tôn Văn C:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước công cụ, phương tiện mà Tôn Văn C sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng: 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 6S, màu vàng đen.

3/ Đối với vật chứng tạm giữ từ Ngô Đức H:

+ Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 26.500.000đ (hai mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng) là tiền lãi H thu từ người vay để về giao cho C, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước công cụ, phương tiện mà Ngô Đức H và đồng phạm sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng gồm:

+ 01 ĐTDĐ hiệu Iphone, màu trắng bạc.

+ 01 màn hình máy tính màu đen, hiệu LG.

+ 01 cây CPU máy tính, màu đen.

Tịch thu tiêu hủy công cụ dùng vào việc phạm tội gồm: 01 bảng quảng cáo.

4/ Đối với vật chứng thu từ Trần Văn H:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước công cụ, phương tiện mà Trần Văn H và đồng phạm sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng: 01 Điện thoại di động hiệu Iphone, màu xám đen, màn hình bị nứt.

5/ Tạm giữ từ Nguyễn Văn N:

Tịch thu tiêu hủy công cụ mà Lê Đình C và đồng phạm sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng gồm:

+ 22 tờ rơi quảng cáo vay tiền.

+ 01 con dấu có nội dung Nguyễn Thị Mai T.

+ 01 con dấu hình tròn ở giữa có nội dung Công ty TNHH một thành viên phát triển dịch vụ Đại An, ở viên ngoài có ghi nội dung MSDN: 4300811278. CTTNNH H. Tư Nghĩa-Tỉnh Quảng Ngãi.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước công cụ, phương tiện mà Lê Đình C và đồng phạm sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng gồm:

+ 01 ĐTDĐ hiệu Nokia, màu cam; 01 bộ máy tính để bàn hiệu LG, màu đen (bao gồm: 01 màn hình LG, 01 CPU mã A1704-G4377, 01 bàn phím máy tính, 01 chuột máy tính, 01 đầu ghi màu trắng hiệu KB VISION) và 01 USB màu đen, hiệu Apacer USB 3.0;

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Jupiter, biển số 76R2-9528 và 01 xe mô tô hiệu Jupiter, biển số 92M1-182.05 các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi cho vay Cơ quan CSĐT chưa xác định được chủ sở hữu, Cơ quan Điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và đề nghị xử lý sau là phù hợp.

- Đối với số tiền vốn mà bị cáo Lê Đình C đã cho vay là 1.594.000.000 đồng. Đây là số tiền dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, tính đến thời điểm bị cáo C bị phát hiện hành vi phạm tội, số tiền vốn mà bị cáo C đã cho vay, bị cáo C mới thu được 401.000.000 đồng, còn lại số tiền gốc mà những người vay chưa trả là 1.193.000.000 đồng. Do đó, áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên truy thu số tiền 401.000.000 đồng và buộc Trương Văn A nộp 5.000.000 đồng, Mai Anh T nộp 5.000.000 đồng, Nguyễn Thị M nộp 10.000.000 đồng, Trần Thị Việt T nộp 6.000.000 đồng, Nguyễn Văn H nộp 20.000.000 đồng, Nguyễn Văn P nộp 6.000.000 đồng, Đặng Thị Bích P nộp 9.000.000 đồng, Nguyễn Văn T nộp 4.000.000 đồng, Đoàn Ngọc S nộp 5.000.000 đồng, Huỳnh Công P nộp 4.000.000 đồng, Trương Văn N nộp 20.000.000 đồng, Đỗ Trọng D nộp 9.000.000 đồng, Phạm Thị Xuân V nộp 8.000.000 đồng, Nguyễn Vũ Hùng H nộp 9.000.000 đồng, Huỳnh Tấn V: 15.000.000 đồng, Huỳnh Hữu N nộp 10.000.000 đồng, Đỗ Thị Hoài D 8.000.000 đồng, Đoàn Thị Thanh N nộp 12.000.000 đồng, Nguyễn Hoàng Thanh T nộp 2.000.000 đồng, Lê Thị B nộp 18.000.000 đồng, Phạm Thị Kim C nộp 10.000.000 đồng, Phạm Thị Tường V nộp 20.000.000 đồng, Võ Minh V nộp 4.000.000 đồng, Đặng Lê Minh H nộp 10.000.000 đồng, Trần Văn T nộp 30.000.000 đồng, Lê Văn H nộp 10.000.000 đồng, Đoàn Thị Thùy T nộp 30.000.000 đồng, Đào Thanh Q nộp 15.000.000 đồng, Võ L nộp 20.000.000 đồng, Phạm Thị Hồng N nộp 20.000.000 đồng, Nguyễn Tấn V nộp 10.000.000 đồng, Nguyễn Thị L nộp 15.000.000 đồng, Bùi Tấn L nộp 12.000.000 đồng, Đặng Thị H nộp 15.000.000 đồng, Trần Văn T nộp 20.000.000 đồng, Huỳnh Thị Lệ N nộp 10.000.000 đồng, Huỳnh Nhật T nộp 15.000.000 đồng, Nguyễn Duy L nộp 5.000.000 đồng, Nguyễn Ngọc C nộp 9.000.000 đồng, Phan Thị Thu H nộp 5.000.000 đồng, Nguyễn Đăng T nộp 7.000.000 đồng, Trần Hiền T nộp 8.000.000 đồng, Đặng Thế V nộp 10.000.000 đồng, Võ Anh T nộp 5.000.000 đồng, Lâm Nguyễn Thái B nộp 8.000.000 đồng, Phạm Thị Vân Y nộp 15.000.000 đồng, Đỗ Văn L nộp 3.000.000 đồng, Hà Thị

Như T nộp 8.000.000 đồng, Đặng Hữu H nộp 15.000.000 đồng, Mai Hoài D nộp 7.000.000 đồng, Lê Văn Q nộp 8.000.000 đồng, Lê Thị Mai P nộp 7.000.000 đồng, Nguyễn Đăng L nộp 8.000.000 đồng, Nguyễn Đơn H nộp 3.000.000 đồng, Cao Thị Thanh T nộp 8.000.000 đồng, Võ Thị Mỹ L nộp 15.000.000 đồng, Trần Th nộp 6.000.000 đồng, Phạm Thị Thu T nộp 15.000.000 đồng, Nguyễn Lê Minh K nộp 9.000.000 đồng, Lê Thị Kim C nộp 9.000.000 đồng, Phạm Tiến T nộp 5.000.000 đồng, Trần Thanh T nộp 30.000.000 đồng, Bùi Phụ T 5.000.000 đồng, Lê Văn H nộp 10.000.000 đồng, Phạm Hoàng Việt C nộp 15.000.000 đồng, Lê Thị Thu N nộp 8.000.000 đồng, Nguyễn Thị T nộp 15.000.000 đồng, Trương Quang T nộp 5.000.000 đồng, Nguyễn Lê Bảo N nộp 9.000.000 đồng, Bùi Thị Thiên T nộp 8.000.000 đồng, Trần Thị Rôl nộp 15.000.000 đồng, Nguyễn Thị T nộp 20.000.000 đồng, Hà Văn T nộp 5.000.000 đồng, Phạm Thị Lên nộp 8.000.000 đồng, Nguyễn B nộp 7.000.000 đồng, Nguyễn Văn N nộp 7.000.000 đồng, Trần Thị P nộp 10.000.000 đồng, Trần Nhật V nộp 8.000.000 đồng, Trương Văn C nộp 15.000.000 đồng, Hồ Thị N nộp 20.000.000 đồng, Ngô Thị G nộp 10.000.000 đồng, Phùng Minh H nộp 6.000.000 đồng, Nguyễn Công D nộp 10.000.000 đồng, Tạ Thị Kiều O nộp 20.000.000 đồng, Phùng Quốc S nộp 3.000.000 đồng, Trương Đăng K nộp 6.000.000 đồng, Trần Phước T nộp 9.000.000 đồng, Nguyễn Văn Đ nộp 10.000.000 đồng, Nguyễn Anh T nộp 9.000.000 đồng, Nguyễn Tăng N nộp 5.000.000 đồng, Lê Thị Mỹ L nộp 7.000.000 đồng, Nguyễn Thị Ánh N nộp 12.000.000 đồng, Mai Xuân V nộp 9.000.000 đồng, Võ Thị Bích H nộp 13.000.000 đồng, Trương Tấn P nộp 7.000.000 đồng, Nguyễn Tấn T nộp 24.000.000 đồng, Võ Thị Phương L nộp 8.000.000 đồng, Nguyễn Hồng S nộp 6.000.000 đồng, Phan Thị Xuân T nộp 20.000.000 đồng, Nguyễn Hồng V nộp 6.000.000 đồng, Trần Tấn H nộp 2.000.000 đồng, Phan Quỳnh N nộp 9.000.000 đồng, Đinh Thị V nộp 6.000.000 đồng, Nguyễn Hữu Minh C nộp 7.000.000 đồng, Lê Thị Kiều T nộp 15.000.000 đồng, Nguyễn Thị Hành T nộp 5.000.000 đồng, Đỗ Mậu T nộp 7.000.000 đồng, Lê Đình D nộp 7.000.000 đồng, Nguyễn Hữu T nộp 24.000.000 đồng, Nguyễn Thị Lệ T nộp 5.000.000 đồng, Trần Thị Xuân T nộp 20.000.000 đồng, Phan Thị H nộp 10.000.000 đồng, Nguyễn Tấn T nộp 3.000.000 đồng, Mai Hữu D nộp 4.000.000 đồng để nộp vào Ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền lãi pháp luật cho phép là 87.338.641 đồng, đây là số tiền phát sinh từ việc phạm tội mà có, bị cáo C thu của người vay không có căn cứ pháp luật nên đề nghị tuyên truy thu nộp Ngân sách nhà nước.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 468 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo C phải trả lại cho người vay số tiền vượt mức quy định gồm: Trương Văn A: 890.411 đồng, Mai Anh T: 1.113.014 đồng, Nguyễn Thị Mến: 1.113.003 đồng, Trần Thị Việt Trinh: 1.602.740 đồng, Nguyễn Văn Hùng: 2.452.055 đồng, Nguyễn Văn Pháp: 213.699 đồng, Phan Hoàng Chương: 938.959 đồng, Nguyễn Thanh Lên: 387.329 đồng, Huỳnh Văn Viễn: 1.985.616 đồng, Đặng Thị Bích Phụng: 2.003.425 đồng, Nguyễn Văn Tập: 1.068.493 đồng, Đoàn Ngọc Sơn: 667.808 đồng, Huỳnh Công Pháp: 890.411 đồng, Trương Văn Nhuận: 3.561.644 đồng, Đỗ Trọng Danh: 1.202.055 đồng, Phạm Thị Xuân Vui: 1.068.493 đồng, Nguyễn Vũ Hùng Hoàng: 5.208.904 đồng, Huỳnh Tấn Việt: 5.342.466 đồng, Huỳnh Hữu Nhất: 890.411

đồng, Đỗ Thị Hoài Dung: 1.068.493 đồng, Ngô Lê Kim Thuần: 400.685 đồng, Đoàn Thị Thanh Nhân: 5.876.712 đồng, Nguyễn Hoàng Thanh Thu: 5.557.808 đồng, Lê Thị Bé: 15.349.863 đồng, Phạm Thị Kim Cương: 26.580.822 đồng, Phạm Thị Tường Vi: 37.397.260 đồng, Võ Minh Vương: 356.164 đồng, Lương Thị Kim Chi: 979.452 đồng, Đặng Lê Minh Hiền: 20.307.725 đồng, Nguyễn Thị Thu Hiền: 6.386.301 đồng, Trần Văn Thành: 8.284.932 đồng, Lê Văn Hoang: 395.205 đồng, Đoàn Thị Thùy Trang: 8.284.932 đồng, Đào Thanh Quang: 1.553.425 đồng, Phạm Thị Hồng Ngọc: 1.380.822 đồng, Nguyễn Tấn Vũ: 26.133.507 đồng, Nguyễn Thị Lý: 2.003.425 đồng, Bùi Tấn Lâm: 1.602.740 đồng, Đặng Thị Hương: 10.356.164 đồng, Trần Văn Tuấn: 11.391.781 đồng, Huỳnh Thị Lệ Ngân: 2.671.233 đồng, Nguyễn Thị Trúc: 4.660.274 đồng, Huỳnh Nhật Trường: 2.671.233 đồng, Nguyễn Duy Lương: 1.558.219 đồng, Nguyễn Ngọc Chiến: 1.202.055 đồng, Phan Thị Thu Hương: 1.113.014 đồng, Nguyễn Đăng Tám: 1.246.575 đồng, Trần Hiền Thương: 1.335.616 đồng, Đặng Thế Vũ: 2.980.822 đồng, Trần Thiện Chánh: 222.603 đồng, Võ Anh Tài: 3.339.041 đồng, Lâm Nguyễn Thái Bình: 1.780.822 đồng, Phạm Thị Vân Yên: 2.671.233 đồng, Đỗ Văn Lâm: 1.602.740 đồng, Hà Thị Như Thủy: 11.753.425 đồng, Đặng Hữu Hưng: 38.732.877 đồng, Mai Hoài Duy: 1.558.219 đồng, Lê Văn Quang: 2.136.986 đồng, Lê Thị Mai Phương: 623.288 đồng, Nguyễn Đăng Long: 3.205.479 đồng, Nguyễn Đơn Hoài: 400.685 đồng, Cao Thị Thanh Tuyên: 2.136.986 đồng, Võ Thị Mỹ Loan: 37.397.260 đồng, Trần Thanh: 267.123 đồng, Phạm Thị Thu Trang: 7.345.890 đồng, Nguyễn Lê Minh Khuê: 2.003.425 đồng, Lê Thị Kim Chi: 3.205.479 đồng, Phạm Tiến Tuấn: 445.205 đồng, Trần Thanh Thế: 9.320.548 đồng, Võ Cao Mỹ Nhung: 1.113.014 đồng, Bùi Phụ Tửu: 222.603 đồng, Lê Văn Hoàng: 395.205 đồng, Phạm Hoàng Việt Chiến: 7.249.315 đồng, Lê Thị Thu Nguyệt: 1.424.658 đồng, Nguyễn Thị Tuyết: 38.732.877 đồng, Trương Quang Thứ: 890.411 đồng, Nguyễn Lê Bảo Ngân: 2.404.110 đồng, Bùi Thị Thiên Thanh: 2.493.151 đồng, Trần Thị Rô Ly: 8.013.699 đồng, Nguyễn Thị Thủy: 6.213.699 đồng, Hà Văn Thương: 2.893.836 đồng, Phạm Thị Lên: 2.849.315 đồng, Nguyễn Bảo: 311.644 đồng, Nguyễn Văn Nhẫn: 2.181.507 đồng, Trần Thị Phương: 7.123.288 đồng, Nguyễn Văn Nông: 5.342.465 đồng, Trần Nhất Việt: 2.136.986 đồng, Trương Văn Cẩm: 3.339.041 đồng, Hồ Thị Nguyệt: 4.832.877 đồng, Ngô Thị Gái: 3.561.644 đồng, Phùng Minh Hà: 4.273.973 đồng, Nguyễn Công Danh: 7.568.493 đồng, Tạ Thị Kiều Oanh: 7.123.288 đồng, Phùng Quốc Sỹ: 2.136.986 đồng, Lê Hoàng Tâm: 7.123.288 đồng, Trương Đăng Khoa: 534.247 đồng, Trần Phước Thành: 11.619.863 đồng, Nguyễn Văn Đường: 4.006.849 đồng, Nguyễn Anh Trung: 801.370 đồng, Nguyễn Tăng Nhất: 7.791.096 đồng, Lê Thị Mỹ Linh: 623.288 đồng, Nguyễn Thị Ánh Nguyệt: 4.808.219 đồng, Mai Xuân Vũ: 2.804.795 đồng, Võ Thị Bích Hạnh: 8.284.932 đồng, Trương Tấn Phương: 623.288 đồng, Nguyễn Tấn Triều: 10.117.809 đồng, Võ Thị Phương Lan: 712.329 đồng, Nguyễn Hồng Sơn: 3.472.603 đồng, Phan Thị Xuân Thùy: 10.356.164 đồng, Nguyễn Hồng Vinh: 2.404.110 đồng, Trần Tấn Hải: 1.246.575 đồng, Phan Quỳnh Nga: 2.003.425 đồng, Đinh Thị Vuôn: 534.247 đồng, Nguyễn Hữu Minh Chí: 1.558.219 đồng, Lê Thị Kiều Tâm: 17.363.014 đồng, Nguyễn Thị Hành Trang: 445.205 đồng, Đỗ Mậu Tiên: 623.288 đồng, Lê Đình Dũng: 311.644

đồng, Nguyễn Hữu Tịnh: 33.002.740 đồng, Nguyễn Thị Lệ Thủy: 4.006.849 đồng, Trần Thị Xuân Trang: 1.380.822 đồng, Nguyễn Văn Giới: 7.479.452 đồng, Phan Thị Hòe: 890.411 đồng, Nguyễn Tấn Thịnh: 1.068.493 đồng, Mai Hữu Duật: 178.082 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Công, Chiến, Hoàn, Hùng và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo Công, Chiến, Hoàn, Hùng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở để xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 01-2019 đến ngày 25-8-2019 Lê Đình Công cùng với Ngô Đức Hoàn, Tôn Văn Chiến và Trần Văn Hùng đã cho 126 người với tổng cộng 142 lượt vay tiền từ các công ty do Lê Đình Công quản lý với số tiền cho vay là 1.594.000.000 đồng (một tỷ năm trăm chín mươi bốn triệu đồng) lãi suất dao động từ 0,3%/ngày đến 0,5%/ngày, (tương đương với mức lãi suất giao động từ 109,5%/năm đến 183%/năm) cao gấp từ 05 đến 09 lần lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự 2015 (Điều 468 - Bộ luật dân sự năm 2015 quy định lãi suất cho vay không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tức là không được vượt quá 0,0548%/ngày). Tổng số tiền lãi đã thu là 734.181.000 đồng (bảy trăm ba mươi tư triệu một trăm tám mươi một ngàn đồng). Trong số tiền lãi đã thu, xác định số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự là 87.338.641 đồng (tám mươi bảy triệu ba trăm ba mươi tám ngàn sáu trăm bốn mươi một đồng), số tiền lãi vượt quá mức quy định (vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay) là 646.842.359 đồng (sáu trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn ba trăm năm mươi chín đồng). Như vậy, tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo Công, Hoàn, Chiến và Hùng thu được từ người vay là 646.842.359 đồng.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Lê Đình Công, Ngô Đức Hoàn, Tôn Văn Chiến và Trần Văn Hùng có đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận Lê Đình Công, Ngô Đức Hoàn, Tôn Văn Chiến và Trần Văn Hùng phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm các bị cáo đã thực hiện tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi nguy hiểm cho xã hội không những đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà còn làm cho người vay lâm vào tình trạng khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi nên các bị cáo đã thực hiện. Do đó cần phải được xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung loại tội phạm này.

[4] Xét đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội nên không xem là phạm tội có tổ chức. Các bị cáo Công, Chiến, Hoàn, Hùng tham gia với vai trò đều là người thực hành.

Trong đó các bị cáo Tôn Văn Chiến, Ngô Đức Hoàn và Trần Văn Hùng là người làm thuê cho bị cáo Lê Đình Công trong hoạt động cho vay lãi nặng tại các công ty do bị cáo Công quản lý và điều hành. Chiến, Hoàn và Hùng giúp sức tích cực cho bị cáo Công trong việc kết nối với người vay tiền, làm hợp đồng mua bán xe máy và cho người vay thuê lại xe máy, giúp Công trong việc thu tiền lãi từ người vay. Do đó, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử phải xét đến tính chất của từng bị cáo, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Riêng bị cáo Lê Đình Công có một tiền án về tội “Cướp tài sản” chưa được xóa án tích. Do đó, lần phạm tội này của bị cáo Công thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Công, Chiến, Hoàn, Hùng thành khẩn khai báo, riêng các bị cáo Chiến, Hoàn, Hùng phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Trần Văn Hùng khi thực hiện hành vi phạm tội là người chưa đủ 18 tuổi nên áp dụng khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo Ngô Đức Hoàn, Tôn Văn Chiến và Trần Văn Hùng có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự.

[8] - Đối với Đậu Ngọc Quỳnh (khoảng 33 tuổi, ở quận Ba Đình, TP Hà Nội), Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi đã ra Quyết định ủy thác điều tra cho Công an quận Ba Đình, TP Hà Nội để xác minh làm rõ về lai lịch của Đậu Ngọc Quỳnh. Tuy nhiên qua xác minh, Công an quận Ba Đình, TP Hà Nội không xác định được lai lịch của Đậu Ngọc Quỳnh. Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi sẽ tiếp tục xác minh làm rõ lai lịch của Đậu Ngọc Quỳnh, khi nào làm việc được với Quỳnh sẽ đề nghị xử lý sau.

- Đối với Đồng Văn Dân (SN: 1990; HKTT: thôn Bắc Thọ, xã Ngự Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa): Ngày 23/8/2019, Dân vào TP Quảng Ngãi để làm thuê cho Công, nhiệm vụ của Dân là hàng ngày đến nhà người dân để nhắc

nhờ họ nộp tiền lãi, Dân không trực tiếp cho người dân vay tiền và lấy tiền lãi của người vay, Dân không biết Công có hành vi cho vay lãi nặng trên địa bàn TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi không có căn cứ xử lý Đồng Văn Dân về hành vi: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại Điều 201- Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Đối với Hoàng Văn Long (SN: 2002; HKTT: thôn Đản Mỗ, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, TP Hà Nội): Ngày 14/8/2019, Long vào TP Quảng Ngãi để làm thuê cho Công tại cơ sở 608 Nguyễn Văn Linh, TP Quảng Ngãi. Nhiệm vụ của Long là hàng ngày đi chợ, nấu cơm, dọn dẹp nhà, đến tối thì chở Khánh (Không xác định được lai lịch) đi treo băng quảng cáo và phát tờ rơi, Long không trực tiếp cho người dân vay tiền và không biết Công cho vay lãi nặng. Do đó Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi không có căn cứ xử lý Hoàng Văn Long về hành vi: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại Điều 201 - Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Đối với Nguyễn Văn Nhân (SN: 1998; HKTT: xóm Chùa, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, TP Hà Nội): Ngày 17/8/2019, Nhân vào TP Quảng Ngãi để làm thuê cho Công tại cơ sở 608 Nguyễn Văn Linh, TP Quảng Ngãi do mới vào nên hàng ngày Nhân phụ giúp việc nấu cơm, dọn nhà và khi khách đến nộp tiền tại Cơ sở 608 Nguyễn Văn Linh thì Nhân thu, sau đó đưa tiền lại cho Thắng (không xác định được lai lịch) là người Công giao quản lý tại Cơ sở 608 Nguyễn Văn Linh. Nhân không trực tiếp cho người dân vay tiền, Nhân không biết Công hoạt động cho vay lãi nặng. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi không có căn cứ xử lý Nguyễn Văn Nhân về hành vi: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại Điều 201 - Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Đối với Nguyễn Thị Ngọc Hoanh (SN: 1991; HKTT: Thôn Xuân Vinh, xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi): Ngày 01/8/2019, Hoanh đến Công Ty TNHH Thành Công - địa chỉ 78 Phan Đăng Lưu, TP Quảng Ngãi xin vào làm thuê cho Công. Nhiệm vụ của Hoanh là hàng ngày ở nhà đi chợ, nấu cơm, dọn dẹp nhà, Hoanh không trực tiếp cho người dân vay tiền và lấy tiền lãi của người vay, không biết việc Công cho vay lãi nặng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP Quảng Ngãi không có căn cứ xử lý Nguyễn Thị Ngọc Hoanh về hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201 - Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Đối với Nguyễn Thị Mai Thảo (SN: 1995; HKTT: xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi) - Giám đốc Công ty TNHH MTV Phát triển dịch vụ Đại An và Lê Hoàng Tâm (SN: 1993; HKTT: phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) - Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ Hà Quảng A & E là những người được Lê Đình Công nhờ đứng tên thành lập nhưng không tham gia quản lý, điều hành các Công ty trên và không biết việc Lê Đình Công thực hiện việc cho vay lãi nặng nên cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi không xử lý Nguyễn Thị Mai Thảo và Lê Hoàng Tâm là phù hợp

- Đối với Phạm Văn Thành (SN: 1989; HKTT: xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng)-Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ tổng hợp

Thành Công, cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi đã ủy thác điều tra cho cơ quan CSĐT Công an huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng điều tra xác minh nhưng đến nay chưa có kết quả. Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi tiếp tục điều tra xác minh đề nghị xử lý sau là có căn cứ.

[9] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

1/ Đối với vật chứng tạm giữ từ Lê Đình Công:

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên mã số 4300838921.

+ 01 thông báo về việc sử dụng mẫu con dấu của doanh nghiệp.

+ 01 thông báo về cơ quan thuế quản lý.

+ 01 hợp đồng thuê nhà ở số 01/HĐTNO, ngày 29/7/2019.

+ 02 biên bản bàn giao tài sản.

+ 01 biên bản giao nhận tiền đặt cọc.

+ 01 bản phô tô giấy chứng minh nhân dân Phạm Văn Thành.

Đây là những giấy tờ, tài liệu Lê Đình Công và đồng bọn sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng nên chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

Tịch thu tiêu hủy công cụ dùng vào việc phạm tội gồm:

+ 02 con dấu đỏ đề chữ Giám đốc.

+ 01 dấu đỏ đề tên Phạm Văn Thành.

+ 01 con dấu tròn đề tên Công ty TNHH một thành viên dịch vụ tổng hợp Thành Công.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước công cụ, phương tiện mà Lê Đình Công sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng gồm:

+ 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 130, màu đen.

+ 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 105, màu đen.

+ 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 105, màu đen.

+ 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 1280, màu đen.

+ 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 7 plus, dán decal màu vàng.

+ 01 CPU (không có ổ cứng).

+ Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 14.490.000đ (mười bốn triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng) là tiền lãi Công thu từ người vay tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

2/ Đối với vật chứng tạm giữ từ Tôn Văn Chiến:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước công cụ, phương tiện mà Tôn Văn Chiến sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng: 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 6S, màu vàng đen.

3/ Đối với vật chứng tạm giữ từ Ngô Đức Hoàn:

+ Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 26.500.000đ (hai mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng) là tiền lãi Hoàn thu từ người vay để về giao cho Công, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước công cụ, phương tiện mà Ngô Đức Hoàn và đồng phạm sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng gồm:

+ 01 ĐTDĐ hiệu Iphone, màu trắng bạc.

+ 01 màn hình máy tính màu đen, hiệu LG.

+ 01 cây CPU máy tính, màu đen.

Tịch thu tiêu hủy công cụ dùng vào việc phạm tội gồm: 01 bảng quảng cáo.

4/ Đối với vật chứng thu từ Trần Văn Hùng:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước công cụ, phương tiện mà Trần Văn Hùng và đồng phạm sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng: 01 Điện thoại di động hiệu Iphone, màu xám đen, màn hình bị nứt.

5/ Tạm giữ từ Nguyễn Văn Nhân:

Tịch thu tiêu hủy công cụ mà Lê Đình Công và đồng phạm sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng gồm:

+ 22 tờ rơi quảng cáo vay tiền.

+ 01 con dấu có nội dung Nguyễn Thị Mai Thảo.

+ 01 con dấu hình tròn ở giữa có nội dung Công ty TNHH một thành viên phát triển dịch vụ Đại An, ở viên ngoài có ghi nội dung MSDN: 4300811278. CTTNHH H. Tư Nghĩa-Tỉnh Quảng Ngãi.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước công cụ, phương tiện mà Lê Đình Công và đồng phạm sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng gồm:

+ 01 ĐTDĐ hiệu Nokia, màu cam; 01 bộ máy tính để bàn hiệu LG, màu đen (bao gồm: 01 màn hình LG, 01 CPU mã A1704-G4377, 01 bàn phím máy tính, 01 chuột máy tính, 01 đầu ghi màu trắng hiệu KB VISION) và 01 USB màu đen, hiệu Apacer USB 3.0;

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Jupiter, biển số 76R2-9528 và 01 xe mô tô hiệu Jupiter, biển số 92M1-182.05 các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi cho vay Cơ quan CSĐT chưa xác định được chủ sở hữu, Cơ quan Điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và đề nghị xử lý sau là phù hợp.

- Đối với số tiền vốn mà bị cáo Lê Đình Công đã cho vay là 1.594.000.000 đồng. Đây là số tiền dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, tính đến thời điểm bị cáo Công bị phát hiện hành vi phạm tội, số tiền vốn mà bị cáo Công đã cho vay, bị cáo Công mới thu được 401.000.000 đồng, còn lại số tiền gốc mà những người vay chưa trả là 1.193.000.000 đồng. Do đó, áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên truy thu số tiền 401.000.000 đồng và buộc Trương Văn An nộp 5.000.000 đồng, Mai Anh Tuấn nộp 5.000.000 đồng, Nguyễn Thị Mến nộp 10.000.000 đồng, Trần Thị Việt Trinh nộp 6.000.000 đồng, Nguyễn Văn Hùng nộp 20.000.000 đồng, Nguyễn Văn Pháp nộp 6.000.000 đồng, Đặng Thị Bích Phụng nộp 9.000.000 đồng, Nguyễn Văn Tập nộp 4.000.000 đồng, Đoàn Ngọc Sơn nộp 5.000.000 đồng, Huỳnh Công Pháp nộp 4.000.000 đồng, Trương Văn Nhuận nộp 20.000.000 đồng, Đỗ Trọng Danh nộp 9.000.000 đồng, Phạm Thị Xuân Vui nộp 8.000.000 đồng, Nguyễn Vũ Hùng Hoàng nộp 9.000.000 đồng, Huỳnh Tấn Việt: 15.000.000 đồng, Huỳnh Hữu Nhất nộp 10.000.000 đồng, Đỗ Thị Hoài Dung 8.000.000 đồng, Đoàn Thị Thanh Nhân nộp 12.000.000 đồng, Nguyễn Hoàng Thanh Thu nộp 2.000.000 đồng, Lê Thị Bé nộp 18.000.000 đồng, Phạm Thị Kim Cương nộp 10.000.000 đồng, Phạm Thị Tường Vi nộp 20.000.000 đồng, Võ Minh Vương nộp 4.000.000 đồng, Đặng Lê Minh Hiền nộp 10.000.000 đồng, Trần Văn Thành nộp 30.000.000 đồng, Lê Văn Hoang nộp 10.000.000 đồng, Đoàn Thị Thùy Trang nộp 30.000.000 đồng, Đào Thanh Quang nộp 15.000.000 đồng, Võ Lai nộp 20.000.000 đồng, Phạm Thị Hồng Ngọc nộp 20.000.000 đồng, Nguyễn Tấn Vũ nộp 10.000.000 đồng, Nguyễn Thị Lý nộp 15.000.000 đồng,

Bùi Tấn Lãm nộp 12.000.000 đồng, Đặng Thị Hương nộp 15.000.000 đồng, Trần Văn Tuấn nộp 20.000.000 đồng, Huỳnh Thị Lệ Ngân nộp 10.000.000 đồng, Huỳnh Nhật Trường nộp 15.000.000 đồng, Nguyễn Duy Lương nộp 5.000.000 đồng, Nguyễn Ngọc Chiến nộp 9.000.000 đồng, Phan Thị Thu Hương nộp 5.000.000 đồng, Nguyễn Đăng Tám nộp 7.000.000 đồng, Trần Hiền Thương nộp 8.000.000 đồng, Đặng Thế Vũ nộp 10.000.000 đồng, Võ Anh Tài nộp 5.000.000 đồng, Lâm Nguyễn Thái Bình nộp 8.000.000 đồng, Phạm Thị Vân Yên nộp 15.000.000 đồng, Đỗ Văn Lâm nộp 3.000.000 đồng, Hà Thị Như Thủy nộp 8.000.000 đồng, Đặng Hữu Hưng nộp 15.000.000 đồng, Mai Hoài Duy nộp 7.000.000 đồng, Lê Văn Quang nộp 8.000.000 đồng, Lê Thị Mai Phương nộp 7.000.000 đồng, Nguyễn Đăng Long nộp 8.000.000 đồng, Nguyễn Đơn Hoài nộp 3.000.000 đồng, Cao Thị Thanh Tuyền nộp 8.000.000 đồng, Võ Thị Mỹ Loan nộp 15.000.000 đồng, Trần Thanh nộp 6.000.000 đồng, Phạm Thị Thu Trang nộp 15.000.000 đồng, Nguyễn Lê Minh Khuê nộp 9.000.000 đồng, Lê Thị Kim Chi nộp 9.000.000 đồng, Phạm Tiến Tuấn nộp 5.000.000 đồng, Trần Thanh Thế nộp 30.000.000 đồng, Bùi Phụ Tửu 5.000.000 đồng, Lê Văn Hoàng nộp 10.000.000 đồng, Phạm Hoàng Việt Chiến nộp 15.000.000 đồng, Lê Thị Thu Nguyệt nộp 8.000.000 đồng, Nguyễn Thị Tuyết nộp 15.000.000 đồng, Trương Quang Thứ nộp 5.000.000 đồng, Nguyễn Lê Bảo Ngân nộp 9.000.000 đồng, Bùi Thị Thiên Thanh nộp 8.000.000 đồng, Trần Thị Rôly nộp 15.000.000 đồng, Nguyễn Thị Thủy nộp 20.000.000 đồng, Hà Văn Thương nộp 5.000.000 đồng, Phạm Thị Lân nộp 8.000.000 đồng, Nguyễn Bảo nộp 7.000.000 đồng, Nguyễn Văn Nhẫn nộp 7.000.000 đồng, Trần Thị Phương nộp 10.000.000 đồng, Trần Nhất Việt nộp 8.000.000 đồng, Trương Văn Cẩm nộp 15.000.000 đồng, Hồ Thị Nguyệt nộp 20.000.000 đồng, Ngô Thị Gái nộp 10.000.000 đồng, Phùng Minh Hà nộp 6.000.000 đồng, Nguyễn Công Danh nộp 10.000.000 đồng, Tạ Thị Kiều Oanh nộp 20.000.000 đồng, Phùng Quốc Sỹ nộp 3.000.000 đồng, Trương Đăng Khoa nộp 6.000.000 đồng, Trần Phước Thành nộp 9.000.000 đồng, Nguyễn Văn Đường nộp 10.000.000 đồng, Nguyễn Anh Trung nộp 9.000.000 đồng, Nguyễn Tăng Nhất nộp 5.000.000 đồng, Lê Thị Mỹ Linh nộp 7.000.000 đồng, Nguyễn Thị Ánh Nguyệt nộp 12.000.000 đồng, Mai Xuân Vũ nộp 9.000.000 đồng, Võ Thị Bích Hạnh nộp 13.000.000 đồng, Trương Tấn Phương nộp 7.000.000 đồng, Nguyễn Tấn Triều nộp 24.000.000 đồng, Võ Thị Phương Lan nộp 8.000.000 đồng, Nguyễn Hồng Sơn nộp 6.000.000 đồng, Phan Thị Xuân Thùy nộp 20.000.000 đồng, Nguyễn Hồng Vinh nộp 6.000.000 đồng, Trần Tấn Hải nộp 2.000.000 đồng, Phan Quỳnh Nga nộp 9.000.000 đồng, Đinh Thị Vuôn nộp 6.000.000 đồng, Nguyễn Hữu Minh Chí nộp 7.000.000 đồng, Lê Thị Kiều Tâm nộp 15.000.000 đồng, Nguyễn Thị Hành Trang nộp 5.000.000 đồng, Đỗ Mậu Tiến nộp 7.000.000 đồng, Lê Đình Dũng nộp 7.000.000 đồng, Nguyễn Hữu Tịnh nộp 24.000.000 đồng, Nguyễn Thị Lệ Thủy nộp 5.000.000 đồng, Trần Thị Xuân Trang nộp 20.000.000 đồng, Phan Thị Hòe nộp 10.000.000 đồng, Nguyễn Tấn Thịnh nộp 3.000.000 đồng, Mai Hữu Duật nộp 4.000.000 đồng nộp vào Ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền lãi pháp luật cho phép là 87.338.641 đồng, đây là số tiền phát sinh từ việc phạm tội mà có, bị cáo Công thu của người vay không có căn cứ pháp luật nên đề nghị tuyên truy thu nộp Ngân sách nhà nước.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 468 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Công phải trả lại cho người vay số tiền vượt mức quy định gồm: Trương Văn An: 890.411 đồng, Mai Anh Tuấn: 1.113.014 đồng, Nguyễn Thị Mến: 1.113.003 đồng, Trần Thị Việt Trinh: 1.602.740 đồng, Nguyễn Văn Hùng: 2.452.055 đồng, Nguyễn Văn Pháp: 213.699 đồng, Phan Hoàng Chương: 938.959 đồng, Nguyễn Thanh Lên: 387.329 đồng, Huỳnh Văn Viễn: 1.985.616 đồng, Đặng Thị Bích Phụng: 2.003.425 đồng, Nguyễn Văn Tập: 1.068.493 đồng, Đoàn Ngọc Sơn: 667.808 đồng, Huỳnh Công Pháp: 890.411 đồng, Trương Văn Nhuận: 3.561.644 đồng, Đỗ Trọng Danh: 1.202.055 đồng, Phạm Thị Xuân Vui: 1.068.493 đồng, Nguyễn Vũ Hùng Hoàng: 5.208.904 đồng, Huỳnh Tấn Việt: 5.342.466 đồng, Huỳnh Hữu Nhất: 890.411 đồng, Đỗ Thị Hoài Dung: 1.068.493 đồng, Ngô Lê Kim Thuần: 400.685 đồng, Đoàn Thị Thanh Nhân: 5.876.712 đồng, Nguyễn Hoàng Thanh Thu: 5.557.808 đồng, Lê Thị Bé: 15.349.863 đồng, Phạm Thị Kim Cương: 26.580.822 đồng, Phạm Thị Tường Vi: 37.397.260 đồng, Võ Minh Vương: 356.164 đồng, Lương Thị Kim Chi: 979.452 đồng, Đặng Lê Minh Hiền: 20.307.725 đồng, Nguyễn Thị Thu Hiền 6.386.301 đồng, Trần Văn Thành: 8.284.932 đồng, Lê Văn Hoang: 395.205 đồng, Đoàn Thị Thùy Trang: 8.284.932 đồng, Đào Thanh Quang: 1.553.425 đồng, Phạm Thị Hồng Ngọc: 1.380.822 đồng, Nguyễn Tấn Vũ: 26.133.561 đồng, Nguyễn Thị Lý: 2.003.425 đồng, Bùi Tấn Lãm: 1.602.740 đồng, Đặng Thị Hương: 10.356.164 đồng, Trần Văn Tuấn: 11.391.781 đồng, Huỳnh Thị Lệ Ngân: 2.671.233 đồng, Nguyễn Thị Trúc: 4.660.274 đồng, Huỳnh Nhật Trường: 2.671.233 đồng, Nguyễn Duy Lương: 1.558.219 đồng, Nguyễn Ngọc Chiến: 1.202.055 đồng, Phan Thị Thu Hương: 1.113.014 đồng, Nguyễn Đăng Tám: 1.246.575 đồng, Trần Hiền Thương: 1.335.616 đồng, Đặng Thế Vũ: 2.980.822 đồng, Trần Thiện Chánh: 222.603 đồng, Võ Anh Tài: 3.339.041 đồng, Lâm Nguyễn Thái Bình: 1.780.822 đồng, Phạm Thị Vân Yên: 2.671.233 đồng, Đỗ Văn Lâm: 1.602.740 đồng, Hà Thị Như Thủy: 11.753.425 đồng, Đặng Hữu Hưng: 38.732.877 đồng, Mai Hoài Duy: 1.558.219 đồng, Lê Văn Quang: 2.136.986 đồng, Lê Thị Mai Phương: 623.288 đồng, Nguyễn Đăng Long: 3.205.479 đồng, Nguyễn Đơn Hoài: 400.685 đồng, Cao Thị Thanh Tuyên: 2.136.986 đồng, Võ Thị Mỹ Loan: 37.397.260 đồng, Trần Thanh: 267.123 đồng, Phạm Thị Thu Trang: 7.345.890 đồng, Nguyễn Lê Minh Khuê: 2.003.425 đồng, Lê Thị Kim Chi: 3.205.479 đồng, Phạm Tiến Tuấn: 445.205 đồng, Trần Thanh Thế: 9.320.548 đồng, Võ Cao Mỹ Nhung: 1.113.014 đồng, Bùi Phụ Tửu: 222.603 đồng, Lê Văn Hoàng: 395.205 đồng, Phạm Hoàng Việt Chiến: 7.249.315 đồng, Lê Thị Thu Nguyệt: 1.424.658 đồng, Nguyễn Thị Tuyết: 38.732.877 đồng, Trương Quang Thứ: 890.411 đồng, Nguyễn Lê Bảo Ngân: 2.404.110 đồng, Bùi Thị Thiên Thanh: 2.493.151 đồng, Trần Thị Rô Ly: 8.013.699 đồng, Nguyễn Thị Thủy: 6.213.699 đồng, Hà Văn Thương: 2.893.836 đồng, Phạm Thị Lên: 2.849.315 đồng, Nguyễn Bảo: 311.644 đồng, Nguyễn Văn Nhân: 2.181.507 đồng, Trần Thị Phương: 7.123.288 đồng, Nguyễn Văn Nông: 5.342.465 đồng, Trần Nhất Việt: 2.136.986 đồng, Trương Văn Cẩm: 3.339.041 đồng, Hồ Thị Nguyệt: 4.832.877 đồng, Ngô Thị Gái: 3.561.644 đồng, Phùng Minh Hà: 4.273.973 đồng, Nguyễn Công Danh: 7.568.493 đồng, Tạ Thị Kiều Oanh: 7.123.288 đồng, Phùng Quốc Sỹ: 2.136.986 đồng, Lê Hoàng Tâm:

7.123.288 đồng, Trương Đăng Khoa: 534.247 đồng, Trần Phước Thành: 11.619.863 đồng, Nguyễn Văn Đường: 4.006.849 đồng, Nguyễn Anh Trung: 801.370 đồng, Nguyễn Tăng Nhất: 7.791.096 đồng, Lê Thị Mỹ Linh: 623.288 đồng, Nguyễn Thị Ánh Nguyệt: 4.808.219 đồng, Mai Xuân Vũ: 2.804.795 đồng, Võ Thị Bích Hạnh: 8.284.932 đồng, Trương Tấn Phương: 623.288 đồng, Nguyễn Tấn Triều: 10.117.809 đồng, Võ Thị Phương Lan: 712.329 đồng, Nguyễn Hồng Sơn: 3.472.603 đồng, Phan Thị Xuân Thùy: 10.356.164 đồng, Nguyễn Hồng Vinh: 2.404.110 đồng, Trần Tấn Hải: 1.246.575 đồng, Phan Quỳnh Nga: 2.003.425 đồng, Đinh Thị Vuôn: 534.247 đồng, Nguyễn Hữu Minh Chí: 1.558.219 đồng, Lê Thị Kiều Tâm: 17.363.014 đồng, Nguyễn Thị Hành Trang: 445.205 đồng, Đỗ Mậu Tiến: 623.288 đồng, Lê Đình Dũng: 311.644 đồng, Nguyễn Hữu Tịnh: 33.002.740 đồng, Nguyễn Thị Lệ Thủy: 4.006.849 đồng, Trần Thị Xuân Trang: 1.380.822 đồng, Nguyễn Văn Giới: 7.479.452 đồng, Phan Thị Hòe: 890.411 đồng, Nguyễn Tấn Thịnh: 1.068.493 đồng, Mai Hữu Duật: 178.082 đồng.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên về phần hình phạt, về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[11] Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Hùng đề nghị áp dụng điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, khoản 2 Điều 54, Điều 91, Điều 100, khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Hùng từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ là không phù hợp với nhận định trên nên không chấp nhận.

Về án phí: Mỗi bị cáo Công, Chiến, Hoàn, Hùng phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lê Đình Công phải chịu 29.873.694 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Đình C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo **Lê Đình C** 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2019 đến ngày 25/11/2019.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Tôn Văn C, Ngô Đức H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo **Tôn Văn C** 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/02/2020, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 28/8/2019 đến ngày 06/9/2019.

Xử phạt bị cáo **Ngô Đức H** 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/02/2020, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 28/8/2019 đến ngày 06/9/2019.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn H** 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/6/2020.

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước gồm: 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 130, màu đen; 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 105, màu đen; 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 105, màu đen; 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 1280, màu đen; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 7 plus, dán decal màu vàng; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 6S, màu vàng đen; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone, màu trắng bạc; 01 Điện thoại di động hiệu Iphone, màu xám đen, màn hình bị nứt; 01 ĐTDĐ hiệu Nokia, màu cam; 01 CPU (không có ổ cứng); 01 màn hình máy tính màu đen, hiệu LG; 01 cây CPU máy tính, màu đen; 01 bộ máy tính để bàn hiệu LG, màu đen (bao gồm: 01 màn hình LG, 01 CPU mã A1704-G4377, 01 bàn phím máy tính, 01 chuột máy tính, 01 đầu ghi màu trắng hiệu KB VISION) và 01 USB màu đen, hiệu Apacer USB 3.0;

Tịch thu tiêu hủy gồm: 02 con dấu đỏ đề chữ Giám đốc, 01 dấu đỏ đề tên Phạm Văn Thành, 01 con dấu tròn đề tên Công ty TNHH một thành viên dịch vụ tổng hợp Thành Công, 01 bảng quảng cáo; 22 tờ rơi quảng cáo vay tiền; 01 con dấu có nội dung Nguyễn Thị Mai Thảo; 01 con dấu hình tròn ở giữa có nội dung Công ty TNHH một thành viên phát triển dịch vụ Đại An, ở viền ngoài có ghi nội dung MSDN: 4300811278. CTTNNH H. Tư Nghĩa-Tỉnh Quảng Ngãi.

Số tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 40.990.000 đồng (Bốn mươi triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng) của Lê Đình Công, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Jupiter, biển số 76R2-9528 và 01 xe mô tô hiệu Jupiter, biển số 92M1-182.05 các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi cho vay Cơ quan CSĐT chưa xác định được chủ sở hữu, Cơ quan Điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và đề nghị xử lý sau là phù hợp.

(Các tài sản, vật chứng trên có đặc điểm theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21-10-2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi và giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 22/01/2020, người nộp Công an thành phố Quảng Ngãi).

- Buộc bị cáo Lê Đình Công nộp số tiền 488.338.641 đồng (Bốn trăm tám mươi tám triệu, ba trăm ba mươi tám ngàn, sáu trăm bốn mươi một đồng) sung ngân sách nhà nước.

- Buộc những người vay phải nộp số tiền vốn chưa trả đủ cho bị cáo Lê Đình Công để sung ngân sách nhà nước, cụ thể: Buộc Trương Văn An nộp

5.000.000 đồng, Mai Anh Tuấn nộp 5.000.000 đồng, Nguyễn Thị Mến nộp 10.000.000 đồng, Trần Thị Việt Trinh nộp 6.000.000 đồng, Nguyễn Văn Hùng nộp 20.000.000 đồng, Nguyễn Văn Pháp nộp 6.000.000 đồng, Đặng Thị Bích Phụng nộp 9.000.000 đồng, Nguyễn Văn Tập nộp 4.000.000 đồng, Đoàn Ngọc Sơn nộp 5.000.000 đồng, Huỳnh Công Pháp nộp 4.000.000 đồng, Trương Văn Nhuận nộp 20.000.000 đồng, Đỗ Trọng Danh nộp 9.000.000 đồng, Phạm Thị Xuân Vui nộp 8.000.000 đồng, Nguyễn Vũ Hùng Hoàng nộp 9.000.000 đồng, Huỳnh Tấn Việt: 15.000.000 đồng, Huỳnh Hữu Nhất nộp 10.000.000 đồng, Đỗ Thị Hoài Dung 8.000.000 đồng, Đoàn Thị Thanh Nhân nộp 12.000.000 đồng, Nguyễn Hoàng Thanh Thư nộp 2.000.000 đồng, Lê Thị Bé nộp 18.000.000 đồng, Phạm Thị Kim Cương nộp 10.000.000 đồng, Phạm Thị Tường Vi nộp 20.000.000 đồng, Võ Minh Vương nộp 4.000.000 đồng, Đặng Lê Minh Hiền nộp 10.000.000 đồng, Trần Văn Thành nộp 30.000.000 đồng, Lê Văn Hoang nộp 10.000.000 đồng, Đoàn Thị Thùy Trang nộp 30.000.000 đồng, Đào Thanh Quang nộp 15.000.000 đồng, Võ Lai nộp 20.000.000 đồng, Phạm Thị Hồng Ngọc nộp 20.000.000 đồng, Nguyễn Tấn Vũ nộp 10.000.000 đồng, Nguyễn Thị Lý nộp 15.000.000 đồng, Bùi Tấn Lâm nộp 12.000.000 đồng, Đặng Thị Hương nộp 15.000.000 đồng, Trần Văn Tuấn nộp 20.000.000 đồng, Huỳnh Thị Lê Ngân nộp 10.000.000 đồng, Huỳnh Nhật Trường nộp 15.000.000 đồng, Nguyễn Duy Lương nộp 5.000.000 đồng, Nguyễn Ngọc Chiến nộp 9.000.000 đồng, Phan Thị Thu Hương nộp 5.000.000 đồng, Nguyễn Đăng Tám nộp 7.000.000 đồng, Trần Hiền Thương nộp 8.000.000 đồng, Đặng Thế Vũ nộp 10.000.000 đồng, Võ Anh Tài nộp 5.000.000 đồng, Lâm Nguyễn Thái Bình nộp 8.000.000 đồng, Phạm Thị Vân Yên nộp 15.000.000 đồng, Đỗ Văn Lâm nộp 3.000.000 đồng, Hà Thị Như Thủy nộp 8.000.000 đồng, Đặng Hữu Hưng nộp 15.000.000 đồng, Mai Hoài Duy nộp 7.000.000 đồng, Lê Văn Quang nộp 8.000.000 đồng, Lê Thị Mai Phương nộp 7.000.000 đồng, Nguyễn Đăng Long nộp 8.000.000 đồng, Nguyễn Đơn Hoài nộp 3.000.000 đồng, Cao Thị Thanh Tuyền nộp 8.000.000 đồng, Võ Thị Mỹ Loan nộp 15.000.000 đồng, Trần Thanh nộp 6.000.000 đồng, Phạm Thị Thu Trang nộp 15.000.000 đồng, Nguyễn Lê Minh Khuê nộp 9.000.000 đồng, Lê Thị Kim Chi nộp 9.000.000 đồng, Phạm Tiến Tuấn nộp 5.000.000 đồng, Trần Thanh Thế nộp 30.000.000 đồng, Bùi Phụ Tữu 5.000.000 đồng, Lê Văn Hoàng nộp 10.000.000 đồng, Phạm Hoàng Việt Chiến nộp 15.000.000 đồng, Lê Thị Thu Nguyệt nộp 8.000.000 đồng, Nguyễn Thị Tuyết nộp 15.000.000 đồng, Trương Quang Thứ nộp 5.000.000 đồng, Nguyễn Lê Bảo Ngân nộp 9.000.000 đồng, Bùi Thị Thiên Thanh nộp 8.000.000 đồng, Trần Thị Rôly nộp 15.000.000 đồng, Nguyễn Thị Thủy nộp 20.000.000 đồng, Hà Văn Thương nộp 5.000.000 đồng, Phạm Thị Lân nộp 8.000.000 đồng, Nguyễn Bảo nộp 7.000.000 đồng, Nguyễn Văn Nhẫn nộp 7.000.000 đồng, Trần Thị Phương nộp 10.000.000 đồng, Trần Nhất Việt nộp 8.000.000 đồng, Trương Văn Cẩm nộp 15.000.000 đồng, Hồ Thị Nguyệt nộp 20.000.000 đồng, Ngô Thị Gái nộp 10.000.000 đồng, Phùng Minh Hà nộp 6.000.000 đồng, Nguyễn Công Danh nộp 10.000.000 đồng, Tạ Thị Kiều Oanh nộp 20.000.000 đồng, Phùng Quốc Sỹ nộp 3.000.000 đồng, Trương Đăng Khoa nộp 6.000.000 đồng, Trần Phước Thành nộp 9.000.000 đồng, Nguyễn Văn Đường nộp 10.000.000 đồng, Nguyễn Anh Trung nộp 9.000.000 đồng, Nguyễn Tăng Nhất nộp 5.000.000 đồng, Lê Thị Mỹ Linh nộp 7.000.000

đồng, Nguyễn Thị Ánh Nguyệt nộp 12.000.000 đồng, Mai Xuân Vũ nộp 9.000.000 đồng, Võ Thị Bích Hạnh nộp 13.000.000 đồng, Trương Tấn Phương nộp 7.000.000 đồng, Nguyễn Tấn Triều nộp 24.000.000 đồng, Võ Thị Phương Lan nộp 8.000.000 đồng, Nguyễn Hồng Sơn nộp 6.000.000 đồng, Phan Thị Xuân Thùy nộp 20.000.000 đồng, Nguyễn Hồng Vinh nộp 6.000.000 đồng, Trần Tấn Hải nộp 2.000.000 đồng, Phan Quỳnh Nga nộp 9.000.000 đồng, Đinh Thị Vuôn nộp 6.000.000 đồng, Nguyễn Hữu Minh Chí nộp 7.000.000 đồng, Lê Thị Kiều Tâm nộp 15.000.000 đồng, Nguyễn Thị Hành Trang nộp 5.000.000 đồng, Đỗ Mậu Tiến nộp 7.000.000 đồng, Lê Đình Dũng nộp 7.000.000 đồng, Nguyễn Hữu Tịnh nộp 24.000.000 đồng, Nguyễn Thị Lệ Thủy nộp 5.000.000 đồng, Trần Thị Xuân Trang nộp 20.000.000 đồng, Phan Thị Hòe nộp 10.000.000 đồng, Nguyễn Tấn Thịnh nộp 3.000.000 đồng, Mai Hữu Duật nộp 4.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Lê Đình Công phải trả lại cho những người vay số tiền. Cụ thể, trả tiền cho những người sau đây: Trương Văn An: 890.411 đồng, Mai Anh Tuấn: 1.113.014 đồng, Nguyễn Thị Mên: 1.113.003 đồng, Trần Thị Việt Trinh: 1.602.740 đồng, Nguyễn Văn Hùng: 2.452.055 đồng, Nguyễn Văn Pháp: 213.699 đồng, Phan Hoàng Chương: 938.959 đồng, Nguyễn Thanh Lên: 387.329 đồng, Huỳnh Văn Viễn: 1.985.616 đồng, Đặng Thị Bích Phụng: 2.003.425 đồng, Nguyễn Văn Tập: 1.068.493 đồng, Đoàn Ngọc Sơn: 667.808 đồng, Huỳnh Công Pháp: 890.411 đồng, Trương Văn Nhuận: 3.561.644 đồng, Đỗ Trọng Danh: 1.202.055 đồng, Phạm Thị Xuân Vui: 1.068.493 đồng, Nguyễn Vũ Hùng Hoàng: 5.208.904 đồng, Huỳnh Tấn Việt: 5.342.466 đồng, Huỳnh Hữu Nhất: 890.411 đồng, Đỗ Thị Hoài Dung: 1.068.493 đồng, Ngô Lê Kim Thuần: 400.685 đồng, Đoàn Thị Thanh Nhân: 5.876.712 đồng, Nguyễn Hoàng Thanh Thư: 5.557.808 đồng, Lê Thị Bé: 15.349.863 đồng, Phạm Thị Kim Cương: 26.580.822 đồng, Phạm Thị Tường Vi: 37.397.260 đồng, Võ Minh Vương: 356.164 đồng, Lương Thị Kim Chi: 979.452 đồng, Đặng Lê Minh Hiền: 20.307.725 đồng, Nguyễn Thị Thu Hiền 6.386.301 đồng, Trần Văn Thành: 8.284.932 đồng, Lê Văn Hoang: 395.205 đồng, Đoàn Thị Thùy Trang: 8.284.932 đồng, Đào Thanh Quang: 1.553.425 đồng, Phạm Thị Hồng Ngọc: 1.380.822 đồng, Nguyễn Tấn Vũ: 26.133.561 đồng, Nguyễn Thị Lý: 2.003.425 đồng, Bùi Tấn Lãm: 1.602.740 đồng, Đặng Thị Hương: 10.356.164 đồng, Trần Văn Tuấn: 11.391.781 đồng, Huỳnh Thị Lệ Ngân: 2.671.233 đồng, Nguyễn Thị Trúc: 4.660.274 đồng, Huỳnh Nhật Trường: 2.671.233 đồng, Nguyễn Duy Lương: 1.558.219 đồng, Nguyễn Ngọc Chiến: 1.202.055 đồng, Phan Thị Thu Hương: 1.113.014 đồng, Nguyễn Đăng Tám: 1.246.575 đồng, Trần Hiền Thương: 1.335.616 đồng, Đặng Thế Vũ: 2.980.822 đồng, Trần Thiện Chánh: 222.603 đồng, Võ Anh Tài: 3.339.041 đồng, Lâm Nguyễn Thái Bình: 1.780.822 đồng, Phạm Thị Vân Yến: 2.671.233 đồng, Đỗ Văn Lâm: 1.602.740 đồng, Hà Thị Như Thủy: 11.753.425 đồng, Đặng Hữu Hưng: 38.732.877 đồng, Mai Hoài Duy: 1.558.219 đồng, Lê Văn Quang: 2.136.986 đồng, Lê Thị Mai Phương: 623.288 đồng, Nguyễn Đăng Long: 3.205.479 đồng, Nguyễn Đơn Hoài: 400.685 đồng, Cao Thị Thanh Tuyên: 2.136.986 đồng, Võ Thị Mỹ Loan: 37.397.260 đồng, Trần Thanh: 267.123 đồng, Phạm Thị Thu Trang: 7.345.890 đồng, Nguyễn Lê Minh Khuê: 2.003.425 đồng, Lê Thị Kim Chi: 3.205.479 đồng, Phạm Tiến Tuấn: 445.205 đồng, Trần Thanh Thế: 9.320.548 đồng, Võ Cao Mỹ

Nhung: 1.113.014 đồng, Bùi Phụ Tửu: 222.603 đồng, Lê Văn Hoàng: 395.205 đồng, Phạm Hoàng Việt Chiến: 7.249.315 đồng, Lê Thị Thu Nguyệt: 1.424.658 đồng, Nguyễn Thị Tuyết: 38.732.877 đồng, Trương Quang Thứ: 890.411 đồng, Nguyễn Lê Bảo Ngân: 2.404.110 đồng, Bùi Thị Thiên Thanh: 2.493.151 đồng, Trần Thị Rô Ly: 8.013.699 đồng, Nguyễn Thị Thủy: 6.213.699 đồng, Hà Văn Thương: 2.893.836 đồng, Phạm Thị Lân: 2.849.315 đồng, Nguyễn Bảo: 311.644 đồng, Nguyễn Văn Nhân: 2.181.507 đồng, Trần Thị Phương: 7.123.288 đồng, Nguyễn Văn Nông: 5.342.465 đồng, Trần Nhất Việt: 2.136.986 đồng, Trương Văn Cẩm: 3.339.041 đồng, Hồ Thị Nguyệt: 4.832.877 đồng, Ngô Thị Gái: 3.561.644 đồng, Phùng Minh Hà: 4.273.973 đồng, Nguyễn Công Danh: 7.568.493 đồng, Tạ Thị Kiều Oanh: 7.123.288 đồng, Phùng Quốc Sỹ: 2.136.986 đồng, Lê Hoàng Tâm: 7.123.288 đồng, Trương Đăng Khoa: 534.247 đồng, Trần Phước Thành: 11.619.863 đồng, Nguyễn Văn Đường: 4.006.849 đồng, Nguyễn Anh Trung: 801.370 đồng, Nguyễn Tăng Nhất: 7.791.096 đồng, Lê Thị Mỹ Linh: 623.288 đồng, Nguyễn Thị Ánh Nguyệt: 4.808.219 đồng, Mai Xuân Vũ: 2.804.795 đồng, Võ Thị Bích Hạnh: 8.284.932 đồng, Trương Tấn Phương: 623.288 đồng, Nguyễn Tấn Triều: 10.117.809 đồng, Võ Thị Phương Lan: 712.329 đồng, Nguyễn Hồng Sơn: 3.472.603 đồng, Phan Thị Xuân Thùy: 10.356.164 đồng, Nguyễn Hồng Vinh: 2.404.110 đồng, Trần Tấn Hải: 1.246.575 đồng, Phan Quỳnh Nga: 2.003.425 đồng, Đinh Thị Vuôn: 534.247 đồng, Nguyễn Hữu Minh Chí: 1.558.219 đồng, Lê Thị Kiều Tâm: 17.363.014 đồng, Nguyễn Thị Hành Trang: 445.205 đồng, Đỗ Mậu Tiến: 623.288 đồng, Lê Đình Dũng: 311.644 đồng, Nguyễn Hữu Tịnh: 33.002.740 đồng, Nguyễn Thị Lê Thủy: 4.006.849 đồng, Trần Thị Xuân Trang: 1.380.822 đồng, Nguyễn Văn Giới: 7.479.452 đồng, Phan Thị Hòe: 890.411 đồng, Nguyễn Tấn Thịnh: 1.068.493 đồng, Mai Hữu Duật: 178.082 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc mỗi bị cáo Lê Đình Công, Tôn Văn Chiến, Ngô Đức Hoàn, Trần Văn Hùng phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lê Đình Công phải chịu 29.873.694 đồng (Hai mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm chín mươi tư đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thành phố Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS, cơ quan CSĐT, cơ quan hồ sơ nghiệp vụ-Công an thành phố Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS thành phố Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp Quảng Ngãi;
- Bị cáo; Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trà Thanh Tùng